

Các chuyên luận
THUỐC CỒ TRUYỀN

BỘT BÌNH VỊ

Công thức

Thương truật (<i>Rhizoma Atractylodis</i>)	80 g
Hậu phác (<i>Cortex Magnoliae officinalis</i>)	50 g
Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>)	50 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	30 g

Bào chế

Thương truật: Rửa sạch, phơi khô, thái mỏng. Sao với cám gạo tới màu vàng đậm, mùi thơm đặc trưng.

Hậu phác: Chích gừng.

Trần bì: Bỏ màng trắng, thái chỉ, vi sao, hoặc sao vàng.

Cân đủ số lượng các vị thuốc trong công thức trên, tán thành bột mịn, rây và trộn kỹ, sấy khô đến độ ẩm qui định.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc bột" (Phụ lục 1.7).

Tính chất

Bột có màu vàng nhạt, vị đắng, hơi ngọt, mùi thơm nhẹ.

Định tính

A. Soi bột: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi, với thị kính số 5, vật kính 40, so sánh với bột mẫu chuẩn của Cam thảo, Trần bì và Thương truật, bột chế phẩm phải có các sợi chứa tinh thể calci oxalat của Cam thảo, và các tinh thể calci oxalat hình khối vuông hoặc hình quả trám của Trần bì, tinh thể calci oxalat hình kim của Thương truật.

B. Lấy khoảng 10 g chế phẩm, cho vào bình nón có nút mài. Thêm 50 ml ethanol 70 % (TT), khuấy đều, đun trên cách thủy 15 min. Để nguội, lọc lấy dịch chiết. Cát thu hồi dung môi. Hòa cần với 10 ml nước cất nóng. Lọc. Lấy dịch lọc. Lắc với ethyl acetat (TT) 3 lần, mỗi lần 5 ml. Gộp dịch chiết ethyl acetat, bay hơi đến còn khoảng 3 ml, lấy dịch chiết này cho vào 3 ống nghiệm nhỏ, mỗi ống 1 ml dịch chiết để tiến hành các phản ứng sau:

Ống 1: Thêm một ít bột magnesi (TT), thêm từ từ vài giọt acid hydrochloric (TT), đun nóng nhẹ, dung dịch xuất hiện màu đỏ cam.

Ống 2: Thêm vài giọt dung dịch natri hydroxyd 10 % (TT), xuất hiện màu vàng cam.

Ống 3: Thêm vài giọt dung dịch sắt (III) clorid 5 % (TT), xuất hiện màu xanh đen.

Độ ẩm

Không quá 9,0 % (Phụ lục 12.13).

Độ mịn

Lấy 20 g chế phẩm, rây qua rây số 335 (Phụ lục 3.5), phần còn lại không quá 5 %.

Độ đồng nhất

Lấy 20 g chế phẩm, cho vào tờ giấy trắng đặt trong khay men, dùng một thìa nhẵn ấn nhẹ trên mặt lớp bột thành một vệt lõm. Quan sát vị trí vệt, màu của chế phẩm phải đồng nhất, không được có màu lõm đốm.

Định lượng

Cân chính xác khoảng 10 g bột chế phẩm, cho vào bình Soxhlet, thêm 80 ml ether dầu hòa (30 °C đến 60 °C) (TT), đun hồi lưu trên cách thủy 4 h, để nguội, bỏ dịch chiết, lấy bã tãi mỏng để bay hơi hết ether dầu hòa, cho bã vào bình Soxhlet, thêm 80 ml ethanol 70 % (TT), đun hồi lưu trong cách thủy khoảng 3 h để chiết hết flavonoid. Để nguội, cất thu hồi dung môi dưới áp suất giảm, thêm 10 ml nước cất nóng, khuấy kỹ, lọc, lặp lại với 10 ml nước cất nóng khác. Lắc dịch lọc thu được với ethyl acetat (TT) 5 lần, mỗi lần 10 ml. Gộp dịch chiết ethyl acetat vào cốc đã cân bì, bay hơi dung môi đến cần, sấy cần thu được đến khối lượng không đổi ở nhiệt độ dưới 80 °C. Cân và tính hàm lượng flavonoid toàn phần.

Hàm lượng flavonoid toàn phần không được dưới 1,0 %.

Độ nhiễm khuẩn

Theo yêu cầu ghi trong Phụ lục 13.6.

Bảo quản

Đóng trong bao bì kín, để nơi khô ráo thoáng mát.

Công năng, chủ trị

Kiện tỳ táo thấp, hành khí hòa vị. Chủ trị: Các trường hợp bụng đầy trướng, căng tức, nôn mửa, tiêu chảy.

Cách dùng, liều dùng

Ngày dùng từ 12 g đến 16 g, chia 2 đến 3 lần, uống với nước sắc của 2 lát gừng và 2 quả táo tàu.

CAO BỔ PHÔI

Công thức

Bách bộ (<i>Radix Stemonae tuberosae</i>)	50 g
Xương bồ (<i>Rhizoma Acori</i>)	22 g
Bộ mạch (<i>Herba Pouzolziae</i>)	120 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	11 g
Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>)	17 g
Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>)	12 g
Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>)	50 g
Tinh dầu Bạc hà (<i>Oleum Menthae arvensis</i>)	0,2 ml
Acid Benzoic (<i>Acidum Benzoicum</i>)	2 g
Menthol (<i>Metholum</i>)	0,2 g
Đường trắng (<i>Saccharum</i>)	900 g
Ethanol 50 % (<i>Ethanolum 50 %</i>)	110 ml
Nước vừa đủ (<i>Aqua q.s</i>)	1000 g

Bào chế

Trần bì: Rửa sạch, thái nhỏ, ngâm với 90 ml ethanol 50 % (TT) trong 7 ngày, gạn dịch chiết, ép, lọc lấy hết dịch. Menthol và acid benzoic: Hòa tan với 20 ml ethanol 50 % (TT).

Các vị thuốc còn lại (trừ đường trắng và tinh dầu Bạc hà): Rửa sạch, thái lát, xếp vào nồi dùng vỉ ghim chặt để khơi bông khi sôi, đổ ngập nước 10 cm. Đun sôi 2 h đến 3 h (chú ý bổ sung bù lượng nước bay hơi). Rút

dịch chiết. Đun và rút dịch dịch chiết như trên 2 lần đến 3 lần nữa. Gộp các dịch chiết, cô còn khoảng 1000 ml. Thêm đường trắng, đun sôi để hòa tan và cô còn khoảng 950 ml. Lọc nóng, để nguội. Thêm cồn Trần bì, menthol, acid benzoic, tinh dầu Bạc hà, bổ sung nước vừa đủ 1000 ml, khuấy đều, đóng chai.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu ghi trong chuyên luận "Cao thuốc" (Phụ lục 1.1) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Chất lỏng sánh, màu vàng nâu cánh gián, thơm mùi Bạc hà, vị ngọt, hơi cay.

Định tính

A. Định tính menthol

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *n-Hexan - ethyl acetat* (2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 100 ml chế phẩm, lắc với ether (TT) 2 lần, mỗi lần 30 ml. Gộp các dịch chiết ether và để bay hơi tự nhiên tới cạn. Hòa cồn trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Hòa tan 0,05 g menthol chuẩn trong 2 ml ethanol (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 μ l mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT). Sấy bản mỏng ở 120 °C trong 5 min. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết cùng màu, cùng giá trị R_f với vết menthol trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

B. Định tính Bách bộ

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat - methanol - nước - amoniac* (100 : 17 : 13 : 3).

Dung dịch thử: Lấy 40 ml chế phẩm, pha loãng với 40 ml nước, kiềm hoá bằng amoniac (TT) tới pH 10 đến 11. Chiết bằng cloroform (TT) 2 lần, mỗi lần 30 ml. Gộp các dịch chiết cloroform, cô trên cách thủy tới cạn. Hòa tan cồn trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy khoảng 2 g Bách bộ đã cắt nhỏ, thêm 100 ml nước, đun sôi nhẹ 30 min, lọc. Cô dịch lọc đến khi còn khoảng 30 ml, để nguội và tiến hành chiết tiếp như đối với dung dịch thử, bắt đầu từ "kiềm hóa bằng amoniac (TT)...".

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 μ l mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun thuốc thử Dragendorff (TT). Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu, cùng giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Trần bì

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Toluen - cloroform - acetone* (40 : 25 : 35).

Dung dịch thử: Lấy 60 ml chế phẩm cho vào bình gạn, pha loãng với 30 ml nước, kiềm hóa bằng amoniac (TT) đến pH 9 đến 10, lắc đều, để yên 30 min rồi lắc với 30 ml ethyl acetat (TT). Gạn lấy dịch chiết ethyl acetat, cô trên cách thủy tới cạn. Hòa tan cồn trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 1 g Trần bì đã cắt nhỏ, thêm 100 ml nước, đun sôi nhẹ 30 min, lọc. Cô dịch lọc còn khoảng 30 ml, để nguội, chuyển vào bình gạn. Kiềm hóa dung dịch bằng amoniac (TT) đến pH 9 đến 10, lắc đều, để yên 30 min rồi lắc với 30 ml ethyl acetat (TT). Gạn lấy dịch chiết ethyl acetat, cô trên cách thủy tới cạn. Hòa tan cồn trong 1 ml ethanol (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 μ l mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid phosphoric. Sấy bản mỏng ở 120 °C trong 5 min cho đến khi hiện rõ các vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

D. Định tính Bộ mãm

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *n-Butanol - acid acetic - nước* (4 : 5 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 25 ml chế phẩm, pha loãng với 25 ml nước, lắc với ethyl acetat (TT) 2 lần, mỗi lần 25 ml. Gộp các dịch chiết ethyl acetat, cô trên cách thủy tới cạn. Hòa tan cồn trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy khoảng 3 g Bộ mãm (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, đun trên cách thủy 30 min 2 lần, mỗi lần với 40 ml ethanol 50 % (TT). Gộp các dịch chiết ethanol, cô trên cách thủy tới cạn. Hòa tan cồn trong 1 ml ethanol (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 30 μ l mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, đặt vào bình đã bão hòa hơi amoniac (TT). Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ trong và độ đồng nhất

Sánh, đồng nhất, không được có váng mốc, bã dược liệu và vật lạ (Phụ lục 1.1).

Tỷ trọng

Ở 20 °C: Từ 1,30 đến 1,33 (Phụ lục 6.5, phương pháp dùng tỷ trọng kế).

Bảo quản

Trong lọ kín để nơi mát.

Công năng, chủ trị

Nhuận phế, chỉ khái. Chủ trị: Các chứng ho gió, ho lâu ngày, rát cổ, ráo phổi.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 50 ml, chia làm 2 đến 3 lần. Trẻ em tùy tuổi.

CAO LONG HOÀC HƯƠNG CHÍNH KHÍ**Công thức**

Bạch chi (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>)	240 g
Hậu phác (<i>Cortex Magnoliae officinalis</i>) chế gừng	160 g
Bán hạ (<i>Rhizoma Pinelliae</i>) chế	160 g
Hoắc hương (<i>Folium Pogostemonis</i>)	240 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	80 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	240 g
Thương truật (<i>Rhizoma Atractylodis</i>)	160 g
Đại phúc bì (<i>Pericarpium Arecae catechi</i>)	240 g
Tía tô (<i>Folium Perillae frutescens</i>)	240 g
Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>)	160 g
Đại táo (<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>)	130 g
Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>)	160 g
Nước vừa đủ (<i>Aqua q.s</i>)	2000 ml

Điều chế

Hậu phác chế gừng, Bán hạ chế gừng theo quy định trong chuyên luận riêng.

Hậu phác: Chiết hồi lưu với 300 ml ethanol 60 % trong 1 h. lọc lấy dịch chiết.

Thương truật, Trần bì, Bạch chi, Hoắc hương, Tía tô: Chiết bằng cát kéo hơi nước, thu được dịch cất chứa các chất bay hơi.

Bạch linh: Cho nước vừa ngập dược liệu, đun đến sôi và giữ nóng ở 80 °C, tiến hành 2 lần, lần 1 trong 3 h, lần 2 trong 2 h, lọc, gộp các dịch lọc.

Ngâm Bán hạ chế, Đại phúc bì đến trương nở, sắc trong 3 h và lọc, tiến hành làm 2 lần. Cam thảo được sắc kỹ, lọc. Gộp các dịch lọc trên và cô đến còn khoảng 1000 ml. Để nguội, thêm ethanol 96 % đến khi tủa hoàn toàn (để yên 24 h) và lọc. Thêm dịch chiết của Hậu phác. Phối hợp các dịch cất có chứa các chất bay hơi ở trên, trộn kỹ và thêm nước tới khoảng 1900 ml, để nơi mát 24 h và lọc. Thêm chất bảo quản, thêm nước vừa đủ tới 2000 ml. Lọc, đóng lọ 10 ml.

Chế phẩm phải đạt các yêu cầu trong chuyên luận "Cao thuốc" (Phụ lục I.1) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Dung dịch nâu trong, vị cay, đắng.

Định tính

A. Định tính Thương truật

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Ether dầu hỏa - ethyl acetat* (20 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 30 ml chế phẩm cho vào bình nón có nút mài, thêm 40 ml *n-hexan* (TT) lắc kỹ 15 min, để qua đêm, gạn lấy dịch chiết *n-hexan*, cho bay hơi hết dung môi. Hòa cần vào 1 ml *ethanol* (TT) được dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2 g Thương truật (mẫu chuẩn) đã tán nhỏ và tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử bắt đầu từ "thêm 40 ml *n-hexan* (TT)".

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai, lấy bản mỏng ra, bay

hơi dung môi, sấy nhẹ ở 70 °C đến 80 °C rồi phun dung dịch *p-dimethyl aminobenzaldehyd* 5%, sấy bản mỏng ở 120 °C cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho các vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

B. Định tính Hoắc hương

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Toluen*.

Dung dịch thử: Lấy 50 ml chế phẩm, bốc hơi đến còn 10 ml, thêm 20 ml *n-hexan* (TT), lắc kỹ, gạn lấy dịch *n-hexan*, bay hơi hết dung môi. Hòa cần vào 1 ml *ethanol* (TT) được dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 6 g Hoắc hương (mẫu chuẩn) tán nhỏ. Tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử bắt đầu từ "thêm 20 ml *n-hexan* (TT)".

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai, lấy bản mỏng ra, để bay hơi hết dung môi, sấy nhẹ ở 70 °C đến 80 °C rồi phun dung dịch *vanilin* 1 % trong *acid sulfuric* (TT), sấy bản mỏng ở 120 °C cho đến khi hiện màu rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho các vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Bạch chi

Lấy khoảng 10 ml chế phẩm cho vào cốc sứ, dùng phễu thủy tinh cuống dài đặt lên cốc sứ, nút cuống bằng bông ẩm. Đun cách tấm amian trong khoảng 10 min, để nguội cho nước bay hơi, quan sát trên cuống phễu thủy tinh, phải có bột trắng hoặc các tinh thể hình trụ bám vào.

Độ trong và độ đồng nhất

Sánh, đồng nhất, không được có váng mốc, bã dược liệu và vật lạ (Phụ lục I.1)

Tỷ trọng

Ở 20 °C: $\geq 1,01$ (Phụ lục 6.5, phương pháp dùng tỷ trọng kế).

pH

4,5 đến 6,5 (Phụ lục 6.2).

Chất chiết được

Hàm lượng chất chiết được trong cao không được dưới 5,3 % (k1/k1) (Phụ lục 12.15).

Cân chính xác 10 g chế phẩm để thử.

Bảo quản

Trong lọ màu nâu kin, để nơi mát.

Công năng, chủ trị

Giải biểu hoá thấp, điều khí để điều hòa khí trung tiêu. Chủ trị: Ngoại cảm phong hàn, nội thương thấp trệ hay trúng thử gây nên đau đầu, chóng mặt, cảm giác nặng đầu, tức ngực, thượng vị đau trướng, nôn mửa, tiêu chảy, tỳ vị hàn.

Cách dùng, liều lượng

Dùng 5 ml/lần đến 10 ml/lần, 2 lần một ngày.

Lắc kỹ trước khi dùng.

Kiêng kỵ

Không nên ăn các thứ lạnh, khó tiêu. Thận trọng khi dùng cho người tân dịch thiếu, háo khát âm hư.

CAO HY THIÊM**Công thức**

Hy thiêm (<i>Herba Siegesbeckiae</i>)	1000 g
Thiên niên kiện (<i>Rhizoma Homalomenae occultae</i>)	50 g
Ethanol 90 % (<i>Ethanolum</i>)	230 ml
Đường trắng (<i>Saccharum</i>)	130 g
Nước vừa đủ (<i>Aqua q.s</i>)	1000 ml

Bào chế

Hy thiêm loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái đoạn dài 10 cm đến 15 cm. Thiên niên kiện loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái mỏng. Cho các dược liệu vào thùng, dùng vỉ ghim chặt cho dược liệu khô bông lên, đổ ngập nước 10 cm. Đun sôi trong 2 h (chú ý bù lượng nước bay hơi). Gạn lấy dịch chiết. Chiết tiếp như trên thêm 2 lần nữa. Gộp các dịch chiết, cô còn khoảng 500 ml. Để lắng và lọc trong. Thêm đường trắng, đun sôi để hòa tan. Để nguội, thêm ethanol 90 %, khuấy đều, lọc. Thêm nước vừa đủ 1000 ml và đóng chai.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Cao thuốc" (Phụ lục 1.1) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Chất lỏng màu đen, vị ngọt đắng, mùi thơm của Thiên niên kiện.

Định tính

Định tính Hy thiêm.

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Chloroform - methanol (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 ml chế phẩm, pha loãng với 10 ml nước, chuyển vào bình gạn, lắc với ethyl acetat (TT) 2 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết ethyl acetat, cô trên cách thủy tới cạn. Hòa lẫn trong 2 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 5 g Hy thiêm (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, đun sôi nhẹ với 100 ml nước trong khoảng 1 h (chú ý bù nước bay hơi), lọc. Cô dịch lọc còn khoảng 30 ml, để nguội, chuyển vào bình gạn, lắc với ethyl acetat (TT) 2 lần, mỗi lần 25 ml. Gộp các dịch chiết ethyl acetat, cô trên cách thủy tới cạn. Hòa lẫn trong 1 ml ethanol (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch acid sulfuric 10 % (TT), sấy bản mỏng ở 110 °C cho tới khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ trong và độ đồng nhất

Sánh, đồng nhất, không được có vẩn mốc, bã dược liệu và vật lạ (Phụ lục 1.1).

Hàm lượng ethanol

18 % đến 20 % (t/t) (Phụ lục 10.12).

Tỷ trọng

Ở 20 °C: 1,05 đến 1,10 (Phụ lục 6.5. Phương pháp dùng tỷ trọng kế).

Bảo quản

Đựng trong lọ kín để nơi mát.

Công năng, chủ trị

Thanh nhiệt, trừ thấp, tán phong, thông kinh chỉ thống. Chủ trị: Các chứng phong thấp sưng nóng đỏ đau, chân tay tê bại, đau lưng mỏi gối do phong thấp nhiệt gây nên.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 60 ml, chia làm 3 lần. Bệnh nặng dùng nhiều hơn.

Kiêng kỵ

Không dùng cho người phong thấp có hư hàn.

CAO ÍCH MẪU**Công thức**

Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>) chế dấm	250 g
Ích mẫu (<i>Herba Leonuri japonici</i>)	800 g
Ngải cứu (<i>Herba Artemisiae vulgaris</i>)	200 g
Acid benzoic (<i>Acidum Benzoicum</i>)	2 g
Ethanol 90 % (<i>Ethanolum 90 %</i>)	180 ml
Đường trắng (<i>Saccharum</i>)	600 g
Nước vừa đủ (<i>Aqua q.s</i>)	1000 ml

Bào chế

Hương phụ chế dấm theo chuyên luận riêng. Ích mẫu, Ngải cứu loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái dài 5 cm đến 10 cm, trộn đều. Lấy một nửa lượng Ích mẫu và Ngải cứu xếp dưới đáy nồi, giữa để Hương phụ, trên cùng cho nốt phần Ích mẫu, Ngải cứu còn lại. Lấy vỉ ghim chặt dược liệu, đổ nước ngập dược liệu 10 cm. Đun sôi đều trong 4 h (chú ý bù nước bay hơi). Gạn lấy dịch chiết, để lắng, lọc trong. Chiết tiếp như trên từ 2 đến 3 lần nữa. Gộp dịch chiết, cô đặc còn khoảng 600 ml, thêm đường trắng và đun sôi để hòa tan đường. Thêm ethanol 90 %, thêm acid benzoic và thêm nước vừa đủ 1000 ml. Lọc và đóng chai.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Cao thuốc" (Phụ lục 1.1) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Chất lỏng sánh màu nâu đen, thơm mùi dược liệu, vị ngọt hơi đắng.

Định tính

A. Định tính Ích mẫu

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G

Dung môi khai triển: Toluene - ethyl acetat - acetone - acid formic (15 : 2 : 2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 ml chế phẩm, pha loãng với 20 ml nước, chuyển vào bình gan, lắc với 30 ml ethyl acetat (TT). Gạn lấy dịch chiết ethyl acetat, bốc hơi trên cách thủy đến cạn. Hòa tan cặn trong 1 ml ethanol 96 % (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 6 g Ich mẫu (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, thêm 100 ml nước, đun sôi nhẹ 1 h (chú ý bổ sung nước bay hơi), lọc. Cô dịch lọc trong cách thủy đến còn khoảng 30 ml, để nguội, chuyển vào bình gan, lắc với 30 ml ethyl acetat (TT). Gạn lấy dịch chiết ethyl acetat, bốc hơi trên cách thủy đến cạn. Hòa tan cặn trong 1 ml ethanol 96 % (TT).

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 14 cm đến 15 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch sắt (III) clorid 5 % trong ethanol (TT). Quan sát ở ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

B. Định tính Ngái cứu

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Toluene - ethyl acetat - acetone - acid formic (15 : 2 : 2 : 1).

Dung dịch thử: Dùng dung dịch thử ở phần định tính Ich mẫu.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2 g Ngái cứu (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, thêm 100 ml nước, đun sôi nhẹ 1 h (chú ý bổ sung bù nước bay hơi), lọc. Cô dịch lọc trong cách thủy đến còn khoảng 30 ml, để nguội, chuyển vào bình gan, lắc với 30 ml ethyl acetat (TT). Gạn lấy dịch chiết ethyl acetat, bốc hơi trên cách thủy đến cạn. Hòa tan cặn trong 1 ml ethanol 96 % (TT).

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 14 cm đến 15 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, quan sát dưới đèn tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát quang cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ trong và độ đồng nhất

Chất lỏng sánh, đồng nhất, không được có váng mốc, bã được liệu và vật lạ (Phụ lục 1.1).

Thêm cùng thể tích nước không được đục.

Tỷ trọng

Ở 20 °C: Từ 1,20 đến 1,23 (Phụ lục 6.5, phương pháp dùng tỷ trọng kế).

Hàm lượng ethanol

14 % đến 17 % (Phụ lục 10.12).

Bảo quản

Trong lọ kín, để nơi mát.

Công năng, chủ trị

Hoạt huyết, điều kinh. Chủ trị: Kinh nguyệt không đều, khí hư bạch đới, rong huyết và băng huyết do huyết ứ, hành kinh đau bụng. Làm cho tử cung chóng co lại như cũ sau khi sinh.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 25 ml, chia làm 2 lần. Bệnh nặng dùng liều gấp đôi.

Kiêng kỵ

Phụ nữ có thai dùng nên thận trọng, kiêng ăn các thức ăn lạnh khi dùng thuốc.

CAO LÔNG TỬ NGHỊCH

Công thức

Hắc phụ tử (<i>Radix Aconiti lateralis</i>)	300 g
Can khương (<i>Rhizoma Zingiberis officinalis</i>)	200 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>) chích mật	200 g
Siro đơn (<i>Sirupus simplex</i>)	300 ml
Nước vừa đủ (<i>Aqua q.s</i>)	1000 ml

Bào chế

Chế Hắc phụ tử và Cam thảo chích mật theo qui định trong chuyên luận riêng. Sắc Hắc Phụ tử và chích Cam thảo 2 lần, lần một trong 2 h, lần hai trong 1,5 h. Gộp dịch sắc và lọc. Dùng phương pháp cất kéo hơi nước để cất riêng tinh dầu, chất bay hơi của Can khương và dịch nước cất Can khương bão hòa tinh dầu để vào các dụng cụ riêng biệt. Sắc bã Can khương cùng với nước trong 1 h. Gộp dịch sắc Can khương và nước cất chứa tinh dầu của Can khương và lọc. Gộp dịch lọc với dịch sắc của Hắc phụ tử và chích Cam thảo, cô đặc đến còn khoảng 400 ml. Để nguội, thêm 1200 ml ethanol 95 %, khuấy kỹ, để yên trong 24 h, lọc và cô chân không đến dịch chiết đặc. Hòa loãng dịch đặc này với một lượng nước thích hợp, giữ ở chỗ mát trong 24 h và lọc. Thêm 300 ml siro đơn, chất bảo quản, tinh dầu và chất bay hơi Can khương ở trên. Thêm nước tới đủ 1000 ml. Khuấy đều, đóng lọ 10 ml và tiệt trùng.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Cao thuốc" (Phụ lục 1.1) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Chất lỏng hơi sánh, màu vàng hơi nâu, mùi thơm, vị ngọt hơi cay.

Định tính

A. Định tính Cam thảo.

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Ethyl acetat - acid acetic băng - acid formic - nước (15 : 1 : 1 : 2).

Dung dịch thử: Lấy 20 ml chế phẩm, chiết bằng 20 ml n-butanol (TT), gạn lấy lớp n-butanol và cô thu hồi dung môi đến cạn khô và hòa cặn này vào 2 ml methanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 1 g Cam thảo (mẫu chuẩn), thêm 40 ml ether (TT), đun hồi lưu trên cách thủy trong 1 h, bỏ dịch chiết ether. Thêm 30 ml methanol (TT) vào phần bã Cam thảo, đun hồi lưu trên cách thủy trong 1 h, lọc, bốc hơi dịch lọc đến khô, hòa tan cặn này trong 2 ml methanol (TT).

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 5 μ l của mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun *dung dịch acid sulfuric 10 % trong ethanol (TT)*, sấy ở 105 °C. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Các vết phát huỳnh quang trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có cùng giá trị R_f và màu sắc với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

B. Định tính Can khương

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat - acid acetic băng - acid formic - nước* (15 : 1 : 1 : 2).

Dung dịch thử: Dùng dung dịch thử ở phần định tính Cam thảo.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 4 g Can khương (mẫu chuẩn), thêm 30 ml nước, đun hồi lưu trong cách thủy 1 h, để nguội, lọc. Lắc dịch lọc với 40 ml *n-butanol*, gạn lấy lớp *n-butanol*, cô thu hồi dung môi đến khô. Hòa tan cân trong 2 ml *methanol (TT)*.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 5 μ l mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí, phun dung dịch *vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT)*, sấy ở 105 °C đến hiện rõ vết, quan sát dưới đèn tử ngoại bước sóng 366 nm. Các vết trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Thử giới hạn aconitin và hypacotin

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Cloroform - ethyl acetat - amoniac* (5 : 5 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 70 ml chế phẩm, điều chỉnh đến pH 10 bằng *amoniac đậm đặc (TT)*. Chiết 3 lần, mỗi lần với 100 ml *ether (TT)*. Gộp dịch chiết ether và thu hồi ether đến gần khô, hòa tan cân vào 2 ml *ethanol (TT)*.

Dung dịch đối chiếu: Hòa tan aconitin chuẩn và hypacotin chuẩn trong *ethanol (TT)* để được dung dịch chứa 2 mg mỗi chất chuẩn trong 1 ml.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 6 μ l mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí, phun thuốc thử *Dragendorff (TT)*. Quan sát dưới ánh sáng thường. Các vết cùng giá trị R_f với các vết của aconitin và hypacotin trên sắc ký đồ thu được từ dung dịch thử phải không xuất hiện hoặc nếu xuất hiện thì phải có kích thước nhỏ hơn và không đậm màu hơn so với các vết thu được trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Tỷ trọng

Ở 20 °C: Từ 1,07 đến 1,09 (Phụ lục 6.5, phương pháp dùng tỷ trọng kế).

Độc tính bất thường

Đạt yêu cầu theo phương pháp thử độc tính bất thường (Phụ lục 13.5), cho chuột uống với liều 1 ml/chuột.

Bảo quản

Trong lọ nút kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Hồi dương cứu nghịch. Chủ trị: Hư thoát do vong dương với các biểu hiện toát mồ hôi lạnh, chân tay quyết lạnh, tiêu chảy sống phân, nôn mửa, bụng đau, mạch vi muốn tuyệt (mạch rất nhỏ, yếu, khó nhận thấy).

Cách dùng, liều lượng

Uống mỗi lần 10 ml đến 20 ml, ngày 3 lần hoặc theo chỉ dẫn của thầy thuốc.

CAO TANG CÚC ÂM

Công thức

Tang diệp (<i>Folium Mori albae</i>)	200 g
Cúc hoa vàng (<i>Flos Chrysanthemi indici</i>)	80 g
Liên kiều (<i>Fructus Forsythiae suspensae</i>)	120 g
Bạc hà (<i>Herba Menthae</i>)	60 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	60 g
Khổ hạnh nhân (<i>Semen Armeniacae amarum</i>)	160 g
Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>)	160 g
Lô căn (<i>Rhizoma Phragmitis</i>)	160 g
Nước vừa đủ (<i>Aqua q.s</i>)	1000 ml

Điều chế

Chế biến các vị thuốc theo qui định trong các chuyên luận riêng. Hạnh nhân và Bạc hà cắt riêng theo phương pháp cắt kéo hơi nước được nước cất Bạc hà - Hạnh nhân, để riêng. Bã Hạnh nhân, Bạc hà và các dược liệu còn lại được sắc với nước hai lần, mỗi lần 2 h đến 3 h, để nguội, lọc lấy các dịch chiết. Gộp và cô các dịch chiết còn khoảng 400 ml. Để nguội, thêm khoảng 1000 ml ethanol 96 %, khuấy đều, để lắng 24 h, lọc và cô đặc ở áp suất giảm tới cao đặc. Phối hợp nước cất Bạc hà - Hạnh nhân, thêm chất bảo quản, thêm nước vừa đủ 1000 ml. Đóng chai.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Cao thuốc" (Phụ lục 1.1) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Chất lỏng màu nâu đen, mùi thơm, vị hơi ngọt đắng nhẹ.

Tỷ trọng

Ở 20 °C: Từ 1,03 đến 1,05 (Phụ lục 6.5, phương pháp dùng tỷ trọng kế).

Định lượng amygdalin

Lấy chính xác 100 ml chế phẩm cho vào bình cầu dung tích 250 ml. Lắp vào dụng cụ sinh hàn để cất thu hồi chất bay hơi. Cất lấy khoảng 10 ml dịch cất (đong chính xác) cho vào bình nón dung tích 100 ml, thêm 2 ml *dung dịch kali iodid (TT)*. Chuẩn độ bằng *dung dịch bạc nitrat 0,1 N (CD)* cho đến khi có màu trắng đục hơi vàng. Song song làm mẫu trắng. 1 ml *dung dịch bạc nitrat 0,1 N (CD)* tương đương với 91,48 mg amygdalin. Chế phẩm phải chứa hàm lượng amygdalin từ 0,65 % đến 0,79 %.

Bảo quản

Trong bao bì nút kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Sơ phong thanh nhiệt, tuyên phế chi khái. Chủ trị: Thái âm phế tý phong ôn, ho, cảm cúm, viêm phế quản, viêm đường hô hấp trên, miệng ho khan.

Cách dùng, liều lượng

Người lớn ngày uống 2 lần mỗi lần 25 ml.
Trẻ em tùy theo tuổi.

ĐỘC HOẠT KÝ SINH THANG**Thuốc sắc Độc hoạt ký sinh****Công thức**

Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis</i>)	12 g
Quế chi (<i>Ramulus Cinnamomi</i>)	8 g
Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>)	8 g
Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>)	8 g
Tế tân (<i>Herba Asari</i>)	8 g
Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>)	8 g
Tân giao (<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>)	8 g
Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>)	8 g
Tang ký sinh (<i>Herba Loranthi</i>)	8 g
Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>)	8 g
Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>) chích muối	8 g
Nhân sâm (<i>Radix Ginseng</i>)	8 g
Ngưu tất (<i>Radix Achysanthis bidentatae</i>)	8 g
Phục linh (<i>Poria</i>)	8 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	8 g

Bào chế

Các vị thuốc được chế theo chuyên luận riêng.
Chế phẩm phải đáp ứng yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc thang" (Phụ lục 1.23) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Các vị thuốc trong thang phải khô, sạch, có mùi thơm.
Thang thuốc có mùi đặc trưng của Độc hoạt.

Định tính

Thang thuốc phải có đủ và đúng các vị thuốc theo công thức.

Tạp chất

Không được có (Phụ lục 12.11).

Độ ẩm

Lấy 3 vị dược liệu bất kỳ trong thang thuốc, xác định độ ẩm theo Phụ lục 12.13 (đối với dược liệu chứa tinh dầu) hoặc theo Phụ lục 9.6 (đối với dược liệu khác). Các vị thuốc phải đạt yêu cầu về độ ẩm qui định ở từng chuyên luận.

Sai số khối lượng

Đối với từng vị thuốc: Khối lượng trên nhãn $\pm 10\%$ (đối với vị có khối lượng ≤ 10 g) hoặc $\pm 7,5\%$ (đối với vị có khối lượng > 10 g).

Đối với thang thuốc: Khối lượng trên nhãn $\pm 7,5\%$.

Bảo quản

Nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Ích can thận, bổ khí huyết, khu phong tán hàn trừ thấp, thông kinh hoạt lạc. Chủ trị: Can, thận đều hư, phong hàn thấp gây đau nhức mỏi, thất lưng, đầu gối, các chi dưới co duỗi khó khăn, cảm giác nặng nề.

Cách dùng, liều lượng

Thuốc sắc, ngày uống 1 thang, uống trước bữa ăn.

HOÀN AN THAI**Công thức**

Cao ban long (<i>Colla Cornus Cervi</i>)	16 g
Sa nhân (<i>Fructus Amomi</i>)	20 g
Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>)	120 g
Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>)	80 g
Trữ ma căn (<i>Radix Boehmeriae niveae</i>)	80 g
Tô ngạnh (<i>Caulis Perillae</i>)	12 g
Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>)	20 g
Tục đoạn (<i>Radix Dipsaci</i>)	42 g
Ngải cứu (<i>Herba Artemisiae vulgaris</i>)	80 g
Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>)	20 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	1000 g

Điều chế

Ngải cứu: Loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái ngắn, phơi khô. Tục đoạn: Loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái lát dày 2 mm đến 5 mm, phơi hoặc sấy nhẹ, tẩm với rượu đủ ẩm đều (khoảng 10%), ủ cho thấm rồi sao vàng xém cạnh.

Hoài sơn, Trữ ma căn, Hương phụ, Thục địa: Chế theo chuyên luận riêng.

Sa nhân, Tô ngạnh, Trần bì: Loại tạp và vi sao.

Các vị thuốc được sấy khô ở nhiệt độ dưới 70 °C, tán bột và trộn đều qua rây số 180.

Thục địa nấu thành cao mềm có hàm ẩm 30%. Rồi hòa nóng Cao ban long trong cao thục địa. Mật ong cô luyện. Cứ 100 g bột dùng 90 g đến 120 g cao Thục địa - Cao Ban long và Mật ong.

Tất cả được trộn nóng tạo thành khối bột dẻo rồi chia thành viên 9 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" Phụ lục 1.11 và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn mềm hình cầu nhuận dẻo, màu nâu đen bóng, đường kính 20 mm đến 22 mm, vị ngọt đắng nhẹ, thơm mùi Ngải cứu và Hương phụ.

Định tính

A. Soi bột: Lông che chờ đầu da bào 3 tế bào dài 13 μ m đến 15 μ m, chân đơn bào dài 3 μ m đến 6 μ m (hình chữ T).

Các tinh thể calci oxalat hình cầu có đường kính 5 µm đến 9 µm. Đám tế bào tiết tinh dầu chứa 3 đến 4 tế bào có đường kính 5 µm đến 20 µm. Túi tinh dầu nằm rải rác có đường kính 30 µm đến 40 µm. Mạch điểm rộng khoảng 30 µm.

B. Định tính Sa nhân

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Toluene - ethyl acetat (7 : 3).

Dung dịch thử: Lấy 20 g chế phẩm đã cắt nhỏ, thêm 40 ml *ethanol* (TT), ngâm 4 h, lọc, để bay hơi dịch lọc ở nhiệt độ phòng đến cạn. Hòa tan cặn trong 1 ml *ethanol* (TT) được dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 1 g Sa nhân (mẫu chuẩn), thêm 10 ml *ethanol* (TT), ngâm trong 4 h, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn. Hòa tan cặn trong 1 ml *ethanol* (TT) được dung dịch chấm sắc ký.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có 3 vết cùng giá trị R_f và màu sắc với 3 vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Ngải cứu

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Toluene - ethyl acetat - acetone - acid formic (15 : 2 : 2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 g chế phẩm đã cắt nhỏ, thêm 50 ml nước, đun sôi trong 1 h. Để nguội, lọc, cô dịch lọc trong cách thủy đến cạn. Hòa tan cặn trong 10 ml *ethyl acetat* (TT). Lọc, cô dịch lọc trên cách thủy tới cạn, hòa tan cặn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2 g Ngải cứu (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, thêm 50 ml nước và tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, quan sát dưới đèn tử ngoại, bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết có màu sắc và giá trị R_f tương tự như các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không được quá 15.0 % (Phụ lục 12.13).

Định lượng chất bay hơi

Cân chính xác khoảng 100 g chế phẩm đã cắt nhỏ cho vào bình cầu. Tiến hành định lượng chất bay hơi trong chế phẩm theo phương pháp định lượng tinh dầu trong dược liệu (Phụ lục 12.7).

Chất bay hơi thu được trong chế phẩm xác định theo công thức:

$$X\% = \frac{(V_2 - V_1) \times 100}{m}$$

Trong đó:

V_1 là thể tích xylene cho vào bình hứng (1 ml);

V_2 là thể tích tinh dầu và xylene đọc được cuối cùng;

m là khối lượng mẫu cất chất bay hơi (g).

Chế phẩm phải chứa ít nhất 0,08 % chất bay hơi.

Bảo quản

Trong lọ kín, để nơi khô mát, tránh mốc mọt.

Công năng, chú trị

An thai, dưỡng huyết, chỉ huyết. Chú trị: Các trường hợp động thai, rong huyết, mặt môi, nôn, hoa mắt, chóng mặt, tiểu tiện vàng, đại tiện táo.

Cách dùng, liều lượng

Dùng 2 lần một ngày, mỗi lần 1 viên, uống với nước ấm.

HOÀN BÁT TRẦN

Công thức

Đàng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>)	100 g
Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) chế rượu	100 g
Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) sao	100 g
Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>)	100 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	100 g
Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>)	100 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhiae</i>)	50 g
Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>)	100 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Đương quy chế rượu, Bạch truật sao theo quy định trong chuyên luận riêng. Sấy khô ở nhiệt độ dưới 70 °C và nghiền 8 vị thuốc trên thành bột mịn, trộn đều thành bột kếp, rây qua rây số 180. Nếu làm hoàn cứng, lấy 100 g bột kếp, thêm 40 g đến 50 g mật luyện hòa loãng trong lượng nước sôi thích hợp, gậy nhân, làm hoàn cứng và sấy khô. Nếu làm hoàn mềm, cứ 100 g bột kếp, thêm 110 g đến 140 g mật ong luyện nóng, trộn mềm nhuyễn, chia viên hoàn 9 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn cứng màu đen hơi nâu.

Hoàn mềm màu đen hay nâu hơi đen, mềm, nhuyễn, có vị ngọt và hơi đắng.

Định tính

A. Bạch linh, Cam thảo: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi với độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột mẫu chuẩn của Bạch linh và Cam thảo, bột chế phẩm phải có các khối phân nhánh không đều, không màu; sợi nấm không màu hay nâu nhạt, hơi cong và phân nhánh của Bạch linh; các bó sợi mang tinh thể calci oxalat hình lăng trụ của Cam thảo.

B. Định tính Đương quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: n-Hexan - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 g chế phẩm, tán thành bột thô hoặc cắt nhỏ, thêm 30 ml ether (TT), lắc trên máy lắc 30 min, lọc lấy dịch chiết. Chiết như trên thêm một lần nữa. Gộp các dịch chiết ether, để bay hơi tự nhiên đến khô. Hòa cần trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy khoảng 0,5 g bột Đương quy (mẫu chuẩn), thêm 15 ml ether (TT) rồi tiến hành chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 15 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho các vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Đảng sâm

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: n-Hexan - ethyl acetat (2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 g hoàn, nghiền nhỏ, nếu là hoàn mềm thì cắt nhỏ, thêm 50 ml methanol (TT), đun sôi trên cách thủy 30 min, để nguội, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Khuấy kỹ cần với n-butanol (TT) 3 lần, mỗi lần 10 ml. Gộp dịch chiết butanol, cô trên cách thủy đến cạn. Thêm vào cần 30 ml dung dịch acid sulfuric 20 % (TT), đun sôi hồi lưu trong 2 h, để nguội, lọc lấy tủa, rửa bằng nước cất cho hết phản ứng acid, sấy khô ở 70 °C. Thêm vào tủa 20 ml cloroform (TT), đun trên cách thủy nóng, lọc, cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa cần trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 12 g Đảng sâm (mẫu chuẩn) đã tán nhỏ, thêm 30 ml n-butanol (TT) và tiến hành chiết như đối với dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT), sấy ở 110 °C cho đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Hoàn mềm: Không được quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Hoàn cứng: Không được quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 85 °C, 5 h).

Bảo quản

Trong bao bì kín, tránh ẩm.

Công năng, chủ trị

Bổ khí, dưỡng huyết. Chủ trị: Khí huyết lưỡng hư có biểu hiện: mặt moi, chán ăn, lưỡi nói, khí đoản, sắc mặt bệch, chóng mặt hoa mắt, tim đập hồi hộp.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 6 g hoàn cứng, hoặc 1 viên hoàn mềm, ngày uống 2 lần.

HOÀN BÁT VỊ

Công thức

Quế chi (<i>Ramulus Cinnamomi</i>)	22 g
Hắc Phụ tử (<i>Radix Aconiti lateralis</i>)	22 g
Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>)	176 g
Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>)	88 g
Mẫu đơn bì (<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>)	66 g
Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>)	88 g
Phục linh (<i>Poria</i>)	66 g
Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>)	66 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	1000 g

Bào chế

Phụ tử chế Hắc phụ tử, Sơn thù chế rượu theo qui định trong chuyên luận riêng.

Quế chi thái phiến, tẩm nước Ngưu tất, Ngũ vị tử (100 ml nước sắc dùng 1 g Ngũ vị tử và 3 g Ngưu tất), ủ trong 12 h cho ngấm đều, sấy nhẹ cho khô (40 °C đến 50 °C), thái nhỏ. Thục địa thái lát dày 2 mm đến 3 mm, tẩm rượu cho mềm, trộn với các vị thuốc khác, giã nát với nhau, sấy khô nghiền thành bột mịn, trộn đều thành bột kép, rây qua rây số 180. Mật ong cô luyện thành châu. Cứ 100 g bột kép dùng 80 g đến 110 g mật luyện nóng, trộn đều đến nhuyễn. Chia thành các hoàn mềm 9 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu màu nâu hơi đen bóng, vị ngọt hơi chua và cay.

Định tính

A. Hoài sơn, Bạch linh, Quế, Trạch tả: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi với độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột mẫu chuẩn của Hoài sơn, Trạch tả, Bạch linh và Quế chỉ thấy: Hạt tinh bột hình chuông, hình trứng, dài 10 µm đến 60 µm, rộng khoảng 20 µm, có vân đồng tâm, rốn lệch tâm, hình chằm hay hình vạch của Hoài sơn. Các hạt tinh bột hình trứng dài, hình bầu dục, đường kính 3 µm đến 14 µm, rốn hình khe ngắn, hình chữ Y, chữ V, đứng riêng lẻ hay kép đôi, kép 3 của Trạch tả. Các khối phân nhánh không đều, không màu; sợi nấm không màu, hơi cong và phân nhánh của Bạch linh. Các sợi dài đặc biệt hình thoi, màu vàng nâu, thành dày khoang hẹp, tế bào mô cứng hình chữ nhật hay hình trái xoan thành dày, khoang rộng có ống trao đổi rõ của Quế.

B. Định tính Thục địa

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Cloroform - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 15 g chế phẩm, cắt nhỏ, thêm 40 ml methanol (TT), đun sôi trên cách thủy 15 min, gạn

và lọc lấy dịch chiết. Bã được chiết như trên 2 lần nữa. Gộp các dịch chiết methanol, cô trên cách thủy tới cạn. Khuấy kỹ cần với *n-butanol* (TT) 3 lần, mỗi lần 5 ml. Gộp các dịch chiết butanol, bốc hơi trên cách thủy tới cạn. Hòa cần trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 1,5 g Thực địa (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 μ l mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong hỗn hợp đồng thể tích acid phosphoric và ethanol, sấy bản mỏng ở 110 °C đến khi hiện rõ các vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không được quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Độc tính bất thường

Thử theo Phụ lục 13.5. Lấy 3 g bột viên, thêm 7,5 ml nước cất, nghiền nhuyễn và lắc đều. Cho chuột uống 1 ml/chuột.

Bảo quản

Trong bao bì kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Ôn bổ thận dương. Chủ trị: Thận dương bất túc, thất lưng đau gối mỏi, nửa người dưới thường có cảm giác lạnh, bụng dưới đau co lại, tiểu tiện hoặc ít hoặc nhiều. Có thể dùng cho đờm ảm, cước khí, tiêu khát, chuột rút.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 1 hoàn, ngày 2 lần, uống lúc đói.

HOÀN BỔ TRUNG ÍCH KHÍ

Công thức

Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>)	100 g
Đàng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>)	30 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	30 g
Bạch truật (<i>Radix Atractylodis macrocephalae</i>)	30 g
Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>)	20 g
Thăng ma (<i>Rhizoma Cimicifugae</i>)	30 g
Sài hồ (<i>Radix Bupleuri</i>)	30 g
Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>)	30 g
Gừng tươi (<i>Rhizoma Zingiberis</i>)	12 g
Đại táo (<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>)	102 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	1000 g

Bào chế

Hoàng kỳ chế mật, Cam thảo chích mật, Bạch truật tẩm hoàng thổ sao vàng, Đàng sâm tẩm nước cốt gừng sao khô, Trần bì thái sợi và vị sao theo chuyên luận riêng. Sấy khô các vị thuốc trên và Đương quy, Thăng ma, Sài hồ, nghiền

thành bột mịn, trộn đều thành bột kép, rây qua rây số 180. Đại táo cùng với Gừng tươi còn lại cắt nhỏ, cho vào nấu 2 lần cho đến khi nhừ hết và tiết hết chất ngọt, lọc bỏ bã, cô đặc. Trộn bột kép với dịch cô đặc và mật luyện sôi cho nhuyễn. Cứ 100 g bột kép dùng 100 g đến 120 g mật luyện. Làm viên hoàn mềm 9 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu màu đen, mùi thơm, vị ngọt sau hơi đắng, cay.

Định tính

A. Soi kính hiển vi thấy: Nhiều loại sợi khác nhau, riêng lẻ hay tập trung thành bó, một số sợi mang tinh thể calci oxalat hình khối. Nhiều tinh thể calci oxalat hình kim riêng lẻ hay tập trung thành đám. Tế bào cứng thành dày thấy rõ lỗ trao đổi. Mảnh mô mềm nhiều khi mang hạt tinh bột. Hạt tinh bột hình dạng khác nhau riêng lẻ hay tập trung thành khối. Mảnh vỏ qua ngoài gồm các tế bào hình dạng khác nhau, thành hơi dày. Mảnh bản, các mảnh mạch xoắn, mạch điềm, mạch vạch. Các hạt phấn hoa có hình dạng, kích thước khác nhau.

B. Định tính Cam thảo

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Chloroform - acetone (7 : 3).

Dung dịch thử: Lấy 10 g chế phẩm, nghiền hoặc cắt nhỏ, thêm 20 ml methanol (TT), dùng thìa thủy tinh dần nhuyễn, gạn, lọc. Bã được chiết như trên 2 lần nữa. Tập trung các dịch lọc, cô trên cách thủy tới còn khoảng 5 ml.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2 g Cam thảo (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, thêm 20 ml methanol (TT), đun sôi trên cách thủy 20 min, lọc, bã được chiết như trên 2 lần. Tập trung các dịch lọc, cô trên cách thủy còn khoảng 5 ml.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 μ l mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, để khô bản mỏng ở nhiệt độ phòng rồi quan sát dưới ánh sáng tử ngoại có bước sóng 254 nm và 366 nm, hoặc phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT), sấy bản mỏng ở 100 °C đến khi hiện rõ các vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết chính cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Đương quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: *n*-Hexan - ethyl acetat (95 : 5).

Dung dịch thử: Dùng dịch chiết trong methanol của phần định tính Cam thảo.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 0,5 g bột Đương quy (mẫu chuẩn), thêm 5 ml methanol (TT), lắc kỹ 10 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy tới cạn. Hòa cần trong 1 ml methanol (TT).

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 μ l mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai xong, để khô bản mỏng ở nhiệt độ phòng rồi quan sát dưới ánh sáng tử ngoại có

bước sóng 366 nm, hoặc phun *dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT)*, sấy bản mỏng ở 100 °C đến khi hiện rõ các vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết chính cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Bảo quản

Để nơi khô, trong bao bì kín.

Công năng, chủ trị

Bổ khí thăng đề. Chủ trị: Tỳ vị khí hư, biểu hiện mệt mỏi, chán ăn, trướng bụng; thiếu khí hạ hãm biểu hiện ở phân lỏng, ỉa chảy lâu ngày, thoát giang hay sa trực tràng, sa dạ con.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 1 hoàn, ngày 2 lần đến 3 lần, uống trước bữa ăn 2 h.

Kiêng kỵ

Nhiệt lý mới phát, đạo hãn, đau đầu, mắt ngủ do huyết áp, thô huyết, nục huyết, khí nghịch, suyễn thô cấp. Kiêng ăn các thứ sống, lạnh khi đang dùng thuốc.

HOÀN LỤC VỊ

Công thức

Thực địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>)	160 g
Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>)	80 g
Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>) chế rượu	80 g
Mẫu đơn bì (<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>)	60 g
Phục linh (<i>Poria</i>)	60 g
Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>)	60 g
Mật ong, tá dược vừa đủ (<i>Mel et excipient q.s</i>)	1000 g

Bào chế

Sơn thù chế rượu và các vị thuốc khác chế theo qui định trong chuyên luận riêng. Thực địa thái lát mỏng. Các vị thuốc được sấy khô, nghiền thành bột mịn. Trộn đều thành bột kếp, rây qua rây số 180. Nếu làm hoàn cứng thì cứ 100 g bột kếp trên thêm 35 g đến 50 g mật luyện hòa loãng bằng lượng nước sôi thích hợp, làm viên và sấy khô. Nếu làm thành hoàn mềm thì cứ 100 g bột kếp trên thêm 80 g đến 110 g mật luyện sôi, trộn mềm nhuyễn, làm hoàn mềm 9 g. Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn cứng hình cầu màu đen nâu, mùi thơm của dược liệu, vị ngọt và chua.

Hoàn mềm hình cầu có màu đen nâu, mùi thơm của dược liệu có vị ngọt và chua.

Định tính

A. Định tính Hoài sơn, Trạch tả và Phục linh: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi với độ phóng đại thích hợp, so

sánh với bột mẫu chuẩn của Hoài sơn, Phục linh và Trạch tả, thấy: Các hạt tinh bột hình chuông, hình trứng, dài 10 µm đến 60 µm, rộng khoảng 20 µm, có vân đồng tâm, rón lệch tâm, hình chám hay hình vạch của Hoài sơn. Các hạt tinh bột hình trứng dài, hình bầu dục, đường kính 3 µm đến 14 µm, rón hình khe ngắn, hình chữ Y, đứng riêng lẻ hay kép đôi, kép 3 của Trạch tả. Các khối phân nhánh không đều, không màu; các sợi nấm không màu, hơi cong và phân nhánh của Phục linh.

B. Cát kéo bằng hơi nước 10 g hoàn đã nghiền nhỏ và hứng lấy 20 ml dịch cát, lấy 2 ml dịch cát, thêm 0,5 ml *acid benzosulfonic (TT)* đã diazo hóa, 1 giọt đến 2 giọt *dung dịch natri carbonat (TT)* xuất hiện dần dần màu đỏ da cam.

C. Định tính Thực địa

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Cloroform - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 g chế phẩm, tán thành bột thô, nếu là hoàn mềm thì thái nhỏ, chiết bằng cách đun sôi trên cách thủy 15 min với *methanol (TT)* 2 lần, mỗi lần 30 ml. Gộp dịch chiết *methanol*, cô trên cách thủy đến cạn. Thêm vào cồn 10 ml *n-butanol (TT)*, đặt lên bếp cách thủy nóng, dùng đũa thủy tinh khuấy kỹ trong 5 min, gạn lấy dịch chiết butanol. Chiết lại cồn như trên thêm 1 lần nữa. Gộp các dịch chiết butanol, cô trên cách thủy đến cạn. Hòa cồn trong 1 ml *ethanol 96 % (TT)*.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 1,5 g Thực địa (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, tiến hành chiết như mô tả ở phần *Dung dịch thử*, bắt đầu từ "chiết bằng cách đun sôi trên cách thủy 15 min với *methanol (TT)*... Hòa cồn trong 1 ml *ethanol 96 % (TT)*".

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 25 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun *dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT)*, sấy ở 120 °C đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu và giá trị R_f với các vết của dung dịch đối chiếu.

D. Định tính Sơn thù

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Cloroform - ethyl acetat - acid formic (5 : 4 : 1).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 1,2 g sơn thù đã tán nhỏ, thêm 20 ml *ether ethylic (TT)*, lắc đều, đậy kín, để ngâm 2 h, thỉnh thoảng lắc, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa cồn trong 1 ml *ethanol (TT)*.

Dung dịch thử: Lấy 20 g chế phẩm, tán nhỏ, nếu là hoàn mềm thì cắt nhỏ, thêm 40 ml *ether ethylic (TT)*, lắc đều, đậy kín, để ngâm 2 h, thỉnh thoảng lắc, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa cồn trong 1 ml *ethanol (TT)*.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 25 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm đến 14 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở

nhệt độ phòng, quan sát vết ở ánh sáng thường hoặc đặt bản mỏng vào bình đã bão hòa hơi *amoniac* (TT). Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Hoàn mềm: Không quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Hoàn cứng: Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 85 °C, 4 h).

Bảo quản

Trong bao bì kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Tư bổ can thận. Chủ trị: Can thận âm hư gây chóng mặt, vầng đầu, đau môi thất lưng đầu gối, cốt chùng triệu nhiệt, đạo hân về đêm, di tinh, tiêu khát.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 6 g hoàn cứng, hoàn mềm mỗi lần 1 hoàn, ngày 2 lần.

HOÀN MINH MỤC ĐỊA HOÀNG**Công thức**

Thục địa (*Radix Rehmanniae glutinosae*

<i>praeparata</i>)	160 g
Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>)(chế rượu)	80 g
Mẫu đơn bì (<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>)	60 g
Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>)	80 g
Phục linh (<i>Poria</i>)	60 g
Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>)	60 g
Câu kỷ tử (<i>Fructus Lycii</i>)	60 g
Cúc hoa vàng (<i>Flos Chrysanthemi indicii</i>)	60 g
Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>)	60 g
Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>)	60 g
Bạch tật lê (<i>Fructus Tribuli terrestris</i>)	60 g
Thạch quyết minh (nung) (<i>Concha Haliotidis</i>)	80 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Thục địa, Sơn thù chế theo qui định trong chuyên luận riêng, Thạch quyết minh nung đến khi nghiền được bột mịn. Sau đó Thục địa thái lát mỏng và sấy cùng tất cả các vị thuốc cho đến khô. Nghiền các vị thuốc trên thành bột mịn, trộn đều thành bột kếp, rây qua rây số 180. Nếu làm hoàn cứng thì lấy 100 g bột kếp thêm 30 g đến 50 g mật luyện và hòa loãng trong lượng nước sôi thích hợp. Nếu làm hoàn mềm, cứ 100 g bột kếp dùng 90 g đến 110 g mật luyện sôi, trộn đều cho nhuyễn, làm viên hoàn mềm 9 g. Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn cứng: Hình cầu cứng, màu đen đến nâu hơi đen, mùi thơm nhẹ của dược liệu, vị ngọt, sau đắng và se.

Hoàn mềm: Hình cầu mềm nhuyễn, màu đen, mùi thơm nhẹ của dược liệu, vị ngọt, sau đắng và se.

Định tính

A. Định tính Hoài sơn, Trạch tả, Bạch linh: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi với độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột mẫu chuẩn của Hoài sơn, Bạch linh và Trạch tả, thấy: Các hạt tinh bột hình chuông, hình trứng, dài 10 µm đến 60 µm, rộng khoảng 20 µm, có vân đồng tâm, rón lệch tâm, hình chằm hay hình vạch. Các hạt tinh bột hình trứng dài, hình bầu dục, đường kính 3 µm đến 14 µm, rón hình khe ngắn, hình chữ Y, đứng riêng lẻ hay kép đôi, kép 3. Các khối phân nhánh không đều, không màu; các sợi nằm không màu, hơi cong và phân nhánh.

B. Định tính Thạch quyết minh: Rửa 2 g hoàn trong một cốc có mô với nước, một ít tủa màu trắng hơi xám đọng ở đáy cốc, để lắng, gạn lấy riêng tủa. Thêm 2 giọt dung dịch acid hydrochloric loãng (TT) vào tủa, thấy sủi bọt và giải phóng carbon dioxyd. Khí thoát ra được sục vào dung dịch calci hydroxyd bão hòa (TT) sẽ làm đục dung dịch calci hydroxyd. Thêm 2 ml nước vào cốc trên, khuấy và lọc. Điều chỉnh dịch lọc đến kiềm yếu rồi thêm một giọt dung dịch amoni oxalat 4 % (TT), xuất hiện tủa trắng.

C. Định tính Cúc hoa vàng, Đương quy.

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Toluene - ethyl acetat (93 : 7).

Dung dịch thử: Lấy khoảng 10 g chế phẩm, nghiền mịn, thêm 50 ml ethanol (TT), lắc đều, ngâm 1 h, thỉnh thoảng lắc (hoặc siêu âm 30 min), lọc. Nếu là hoàn mềm thì trộn 10 g chế phẩm đã cắt nhỏ với 10 g Kieselguhr, thêm 80 ml ethanol (TT), siêu âm 30 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy tới cạn. Hòa cồn trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu (1): Lấy 1 g Cúc hoa vàng (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, thêm 20 ml ethanol (TT), lắc đều, ngâm 1 h, thỉnh thoảng lắc siêu âm, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy tới cạn. Hòa cồn trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu (2): Lấy 1 g Đương quy (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, chiết như đối với dung dịch đối chiếu (1).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 15 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT). Sấy bản mỏng ở 120 °C cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho các vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của các dung dịch đối chiếu (1) và (2).

D. Định tính Thục địa: Xem chuyên luận "Hoàn lục vị".

Độ ẩm

Hoàn mềm: Không quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Hoàn cứng: Không được quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 100 °C, 4 h).

Bảo quản

Trong bao bì kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Tư dưỡng can thận, minh mục. Chủ trị: Phong tà thừa lúc can thận âm hư xâm nhập kết hợp với nhiệt khí công lên mắt gây nên: Mắt có màng, chảy nước mắt, đồng tử giãn nhìn không rõ.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần dùng 1 hoàn mềm hoặc 6 g đến 9 g hoàn cứng, ngày 2 lần.

HOÀN NGÂN KIỀU GIẢI ĐỘC

Công thức

Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>)	200 g
Liên kiều (<i>Fructus Forsythiae suspensae</i>)	200 g
Bạc hà (<i>Herba Menthae</i>)	120 g
Kinh giới tuệ (<i>Spica Elsholtziae ciliatae</i>)	80 g
Đạm đậu xị (Đỗ đen chế) (<i>Semen Viguae cylindricae preparata</i>)	100 g
Ngưu bàng tử (<i>Fructus Arctii lappae</i>) sao	120 g
Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>)	80 g
Đạm trúc diệp (<i>Herba Lophatheri</i>)	80 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	100 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Tán Kim ngân hoa và Cát cánh thành bột mịn và rây. Cát lấy tinh dầu Bạc hà và Kinh giới để riêng và thu lấy phần dịch nước vào bình đựng khác. Sắc bã Bạc hà và Kinh giới cùng 5 vị thuốc còn lại bằng nước trong 2 h, sắc làm 2 lần, gộp các dịch sắc và lọc. Phối hợp dịch lọc và dịch nước Bạc hà, Kinh giới ở trên, cô đến cao đặc. Thêm bột mịn Kim ngân và Cát cánh, trộn đều, sấy khô, tán thành bột mịn và rây. Phun tinh dầu Bạc hà và Kinh giới vào bột này rồi trộn đều. Cứ 100 g bột kép thêm 80 g đến 90 g mật ong luyện để chế thành hoàn mật 3 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu, màu nâu, mùi thơm, vị hơi ngọt, đắng và cay. Mỗi hoàn 3 g.

Định tính

A. Soi kính hiển vi: Hạt phần màu vàng, hình cầu, đường kính 54 µm đến 68 µm. Nhiều đám calci oxalat, đường kính 5 µm đến 17 µm, trong mảnh mô mềm có ống nhựa mù nối liền nhau, đường kính 14 µm đến 25 µm, chứa hạt nhỏ, màu vàng nhạt.

B. Định tính Kinh giới, menthol

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi triển khai: *n-Hexan - ethyl acetat* (17 : 3).

Dung dịch thử: Lấy 4 hoàn, nghiền mịn, thêm 3 g *diatomit*, trộn đều, thêm 20 ml *ether dầu hòa* (60 °C đến 90 °C) (TT), nút kín, lắc liên tục 15 min rồi ngâm qua đêm, lọc.

Bốc hơi dịch lọc trên cách thủy đến còn khoảng 1 ml dùng làm dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu (1): Lấy 1 g bột Kinh giới (mẫu chuẩn), thêm 20 ml *ether dầu hòa* (60 °C đến 90 °C) (TT), chiết như dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu (2): Hòa tan menthol trong *ethanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ 2 mg/ml.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi phun dung dịch *anisaldehyd* (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C trong 10 min. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết giống với vết trên sắc ký đồ của các dung dịch đối chiếu về vị trí và màu sắc.

C. Định tính Liên kiều

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi triển khai: *Cloroform - methanol* (20 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 4 hoàn, nghiền mịn, thêm 3 g *diatomit*, trộn đều, thêm 30 ml *ethanol* (TT), đun hồi lưu 1 h, để nguội, lọc. Bốc hơi dịch lọc trên cách thủy đến khô. Hòa cần trong 2 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2 g bột Liên kiều (mẫu chuẩn), thêm 40 ml nước, ngâm trong cách thủy 1 h, lọc. Bốc hơi dịch lọc trên cách thủy tới cạn. Hòa cần trong 2 ml *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi phun dung dịch gồm *anhydrid acetic - acid sulfuric* (20 : 1). Sấy bản mỏng ở 105 °C trong 10 min, quan sát dưới ánh sáng tử ngoại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết huỳnh quang cùng màu và cùng R_f với các vết huỳnh quang trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

D. Định tính Ngưu bàng tử, Cam thảo.

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi triển khai: *Cloroform - methanol* (95 : 5).

Dung dịch thử: Dùng dung dịch thử ở phần định tính Liên kiều.

Dung dịch đối chiếu (1): Lấy 1,2 g Ngưu bàng tử (mẫu chuẩn), thêm 20 ml *ethanol* (TT), đun sôi hồi lưu trong cách thủy 1 h, lọc. Bốc hơi dịch lọc trên cách thủy tới cạn. Hòa cần trong 1 ml *ethanol* (TT), lọc được dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch đối chiếu (2): Lấy 1,2 g Cam thảo (mẫu chuẩn), tiến hành như mẫu đối chiếu (1).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi phun dung dịch *acid sulfuric loãng* (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có

các vết cùng màu, cùng R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

E. Định tính Kim ngân (hoa)

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi triển khai: *n-Hexan - ethyl acetat* (8 : 2).

Dung dịch thử: Dùng dung dịch thử ở phần định tính Liên kiều.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 1,2 g hoa Kim ngân (mẫu chuẩn), thêm 10 ml *ethanol* (TT), ngâm trong 2 h, thỉnh thoảng lắc. Lọc, lấy dịch lọc cô trên cách thủy đến cạn. Hòa cạn trong 1 ml *ethanol* (TT) được dung dịch chấm sắc ký.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 μ l mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi phun dung dịch *vanilin 2 % trong acid sulfuric* (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Bảo quản

Đề nơi khô, mát, trong lọ kín.

Công năng, chủ trị

Tân lương giải biểu, thanh nhiệt giải độc. Chủ trị: Cảm mạo phong nhiệt kèm phát sốt, sởi phong hàn nhức đầu, ho, khô miệng, họng đau.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 1 hoàn, ngày 2 đến 3 lần, uống với nước sắc Lô căn hoặc nước đun sôi còn ấm.

HOÀN NHỊ TRẦN

Công thức

Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>)	200 g
Bán hạ (<i>Rhizoma Pinelliae</i>)(chế)	200 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	120 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	60 g

Bào chế

Bán hạ: Có thể dùng Bán hạ nam (*Typhonium trilobatum*), được chế biến theo chuyên luận riêng.

Trần bì: Bỏ màng trắng, thái chỉ, vi sao, hoặc sao vàng.

Tán bốn vị thuốc trên thành bột mịn, rây qua rây số 355 và trộn đều. Ngoài ra, lấy 50 g gừng tươi, già, già nát, thêm lượng nước thích hợp, vắt lấy nước. Lấy dịch nước gừng này, cùng với bột thuốc nói trên để bào chế thành hoàn theo phương pháp ghi trong chuyên luận "Thuốc hoàn".

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1. 11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn màu nâu tro đến màu nâu vàng; mùi thơm nhẹ; vị ngọt, hơi cay.

Định tính

A. Soi kính hiển vi thấy: Các sợi nấm không màu của Bạch linh, các sợi mang tinh thể calci oxalat của Cam thảo. Các mảnh mạch điểm của Trần bì, các mảnh mạch xoắn của Bán hạ. Có đối chiếu với bột Bạch linh, Cam thảo, Trần bì, Bán hạ chuẩn.

B. Lấy 2 g chế phẩm đã nghiền thành bột mịn, cho vào ống nghiệm, thêm 7 ml *ethyl acetat* (TT). Lắc đều. Đun nóng trên cách thủy 5 min. Lọc, cho dịch lọc vào 3 ống nghiệm nhỏ, mỗi ống 1 ml, phần còn lại để dùng làm dung dịch thử trong sắc ký lớp mỏng.

Ống 1: Thêm ít bột *magnesi* (TT) và cho từ từ *acid hydrochloric* (TT) dọc theo thành ống nghiệm, đun nóng nhẹ. Xuất hiện màu tím hồng.

Ống 2: Thêm vài giọt *dung dịch natri hydroxyd 10 %* (TT), xuất hiện màu vàng cam.

Ống 3: Thêm vài giọt *dung dịch sắt (III) clorid 5 %* (TT), xuất hiện màu xanh đen.

C. Định tính Trần bì.

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Dùng *Silica gel G* và *dung dịch natri hydroxyd 0,5 %* để tráng bản mỏng.

Dung môi khai triển:

Hệ 1: *Ethyl acetat - methanol - nước* (100 : 17 : 13).

Hệ 2: *Toluen - ethyl acetat - acid formic - nước* (20 : 10 : 1 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g bột chế phẩm, thêm 30 ml *methanol* (TT), đun hồi lưu trong cách thủy 30 min, lọc, cô dịch lọc còn khoảng 5 ml làm dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu: Hòa tan hesperidin chuẩn trong *methanol* (TT) để được dung dịch bão hòa.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 2 μ l mỗi dung dịch trên.

Triển khai sắc ký với hệ 1 đến khi dung môi đi được 3 cm, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí. Tiếp tục triển khai sắc ký với hệ 2 đến khi dung môi đi được 8 cm, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí. Phun dung dịch *nhôm clorid 1 %* [Hòa tan 1 g *nhôm clorid* (TT) trong *ethanol 96 %* (TT) vừa đủ 100 ml], sấy bản mỏng ở 100 °C trong 5 min và quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết phát quang cùng màu sắc và giá trị R_f với vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

D. Định tính Cam Thảo

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Dùng *Silica gel G* và *dung dịch natri hydroxyd 1 %* để tráng bản mỏng.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat - acid formic - acid acetic băng - nước* (15 : 1 : 1 : 2).

Dung dịch thử: Đun hồi lưu 10 g bột chế phẩm với 40 ml *ether* (TT) trong 1 h, lọc lấy cần, thêm 50 ml *methanol*

(TT) và đun hồi lưu 1 h, lọc, bay hơi dịch lọc đến cạn. Hòa tan cần trong 40 ml nước và chiết bằng *n*-butanol bão hòa nước (TT) 3 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết butanol, rửa với nước 3 lần, mỗi lần 20 ml, bỏ nước rửa, bay hơi dịch chiết đến cạn và hòa tan cần trong 5 ml methanol (TT) làm dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu (1): Hòa tan amoni glycyrrhizat chuẩn trong methanol (TT) để được dung dịch chứa 2 mg/ml.

Dung dịch đối chiếu (2): Lấy 1 g bột rễ Cam thảo (mẫu chuẩn), chiết tương tự dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí. Phun dung dịch acid sulfuric 10 % trong ethanol (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát quang có cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu (2) và trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết cùng giá trị R_f và màu sắc với vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu (1).

Định lượng

Cân chính xác khoảng 20 g bột chế phẩm, cho vào túi giấy lọc, đặt vào dụng cụ Soxhlet, loại tạp bằng ether dầu hỏa (30 °C đến 60 °C) (TT) trong 4 h. Sau đó tải bột cho bay hơi hết ether dầu hỏa. Tiếp tục cho bã chế phẩm vào trong bình Soxhlet và chiết bằng ethanol 70 % (TT) cho đến khi hết flavonoid (dịch chiết không màu). Lấy dịch chiết, thu hồi dung môi dưới áp suất giảm. Thêm 10 ml đến 20 ml nước cất nóng vào cần, khuấy cho tan. Lọc. Lắc dịch lọc với ethyl acetat (TT) đến hết flavonoid (5 lần mỗi lần 5 ml). Gộp dịch ethyl acetat, cất thu hồi dung môi, cần thu được cho bay hết ethyl acetat rồi đem sấy ở nhiệt độ 70 °C cho tới khối lượng không đổi. Cân cần và tính kết quả. Hàm lượng flavonoid toàn phần không ít hơn 1,0 %.

Độ ẩm

Không quá 9,0% (Phụ lục 9.6, 1 g, sấy ở 60 °C đến 70 °C; 4 h).

Bảo quản

Để nơi khô, mát, trong bao bì kín.

Công năng, chủ trị

Táo thấp, trừ đờm, lý khí, hòa vị. Chủ trị: Ho, đờm nhiều, ngực và thượng vị trướng tức, buồn nôn, nôn.

Cách dùng, liều lượng

Uống ngày 2 lần, uống mỗi lần từ 9 g đến 15 g.

HOÀN NINH KHÔN

Ninh khôn chí bảo hoàn

Công thức

A giao (<i>Colla Corii Asimi</i>)	25 g
Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>)	25 g
Phục linh (<i>Poria</i>)	50 g
Nguru tất (<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>)	200 g
Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>)	50 g
Ô dược (<i>Radix Linderae</i>)	50 g
Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>)	50 g
Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae pereme</i>)	50 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	150 g
Sa nhân (<i>Fructus Amomi</i>)	25 g
Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>)	40 g
Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>)	50 g
Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>)	50 g
Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>)	50 g
Hoàng cầm (<i>Radix Scutellariae</i>)	25 g
Tô diệp (<i>Folium Perillae frutescens</i>)	25 g
Hồ phách (<i>Succinum</i>)	25 g
Trâm hương (<i>Lignum Aquilariae resinatum</i>)	50 g
Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>) chế dầm	50 g
Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>)	50 g
Ích mẫu (<i>Herba Leonuri japonici</i>)	300 g
Mật ong và tá dược vừa đủ (<i>Mel et excipient q.s</i>)	1000 g

Bào chế

Đương quy, Ích mẫu, Xuyên khung: đồ chín, thái lát, sao vàng, sấy khô. A giao thái mỏng, sao với vãn cấp cho phồng lên. Thục địa, Hương phụ chế theo chuyên luận riêng và sấy khô. Các dược liệu còn lại rửa sạch, loại bỏ tạp chất, thái lát, sấy khô. Tất cả các vị thuốc được tán thành bột mịn, trộn đều thành bột kép, rây qua rây số 180. Trộn bột kép với mật ong luyện cho mềm nhuyễn, cứ 100 g bột kép dùng 100 g đến 200 g mật luyện. Chia thành các viên hoàn 3 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu, màu đen bóng, mềm nhuận, thơm mùi dược liệu, vị ngọt, hơi đắng và cay. Khối lượng mỗi hoàn 3 g.

Định tính

A. Định tính Bạch linh: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi có độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Bạch linh (mẫu chuẩn), phải thấy: Các khối phân nhánh không đều, không màu; các sợi nấm không màu hoặc nâu nhạt, hơi cong và phân nhánh.

B. Định tính Mộc hương

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: *n*-Hexan - ethyl acetat (95 : 5).

Dung dịch thử: Lấy 3 hoàn, cắt nhỏ, thêm 40 ml ether ethylic (TT), lắc đều, ngâm trong 4 h. thỉnh thoảng lắc, lọc.

Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn. Hòa tan cần trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 0,5 g Mộc hương (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, thêm 10 ml *ether ethylic* (TT), lắc đều, ngâm trong 4 h, thỉnh thoảng lắc, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn. Hòa tan cần trong 1 ml *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi phun dung dịch *vanilin 1 % trong acid sulfuric* (TT), quan sát ở ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu và cùng R_f với các vết của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Ích mẫu

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *Toluen - acetone - ethanol - amoniac* (15 : 15 : 2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 3 hoàn, cắt nhỏ, thêm 100 ml nước cất đã acid hóa bằng dung dịch *acid sulfuric 10 %* (TT) đến pH 2 đến 3, đun sôi nhẹ 1 h, để nguội, ly tâm. Kiểm hóa dịch ly tâm bằng *amoniac* (TT) đến pH 10 đến 11, để yên 30 min, sau đó lắc với *cloroform* (TT) 2 lần, mỗi lần 30 ml. Gộp dịch chiết *cloroform*, lọc qua *natri sulfat khan* (TT), cô trên cách thủy đến cạn. Hòa cần trong 1 ml *ethanol* (TT) được dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 6 g Ích mẫu (mẫu chuẩn) thêm 150 ml nước cất đã acid hóa bằng dung dịch *acid sulfuric 10 %* (TT) đến pH 2 đến 3, đun sôi nhẹ 1 h, để nguội, ly tâm. Kiểm hóa dịch ly tâm bằng *amoniac* (TT) đến pH 10 đến 11, để yên 30 min, sau đó lắc với *cloroform* (TT) 2 lần, mỗi lần 30 ml. Gộp dịch chiết *cloroform*, lọc qua *natri sulfat khan* (TT), cô trên cách thủy đến cạn. Hòa cần trong 1 ml *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi đặt vào bình đã bão hòa hơi *iod* (TT) cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát ở ánh sáng thường.

Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu, cùng R_f với các vết của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Bảo quản

Trong bao bì kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Điều hòa khí huyết, thông kinh chỉ thống. Chủ trị: Phụ nữ kinh nguyệt không đều, hư phiền, hành kinh đau bụng, suy nhược sau khi sinh.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 2 hoàn, ngày 2 lần.

Kiêng kỵ

Phụ nữ có thai hoặc đang hành kinh không nên dùng.

HOÀN PHÌ NHI

Công thức

Nhục đậu khấu (<i>Semen Myristicae</i>) (nướng)	50 g
Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>)	20 g
Thần khúc (<i>Massa Medicata fermentata</i>) (sao)	100 g
Mạch nha (<i>Fructus Hordei germinatus</i>) (sao)	50 g
Hoàng liên (<i>Rhizoma Coptidis</i>)	100 g
Bình lang (<i>Semen Arecae catechi</i>)	50 g
Sử quân tử (<i>Semen Quisqualis</i>)	50 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Nhục đậu khấu nướng; Thần khúc, Mạch nha sao vàng. Tán 7 vị thuốc trên thành bột mịn, rây qua rây số 180 và trộn đều thành bột kép. Cứ 100 g bột thuốc thêm 100 g đến 130 g mật ong luyện, trộn đều cho mềm nhuận, chế thành viên hoàn mềm 3 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn màu nâu hơi đen đến màu nâu đen, mềm nhuyễn, mịn, vị hơi ngọt đắng.

Khối lượng hoàn 3 g.

Định tính

Soi kính hiển vi: Soi kính hiển vi có độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Nhục đậu khấu và Sử quân tử (mẫu chuẩn) thấy: Hạt tinh bột gần như tròn hoặc hình bầu dục, đường kính 8 µm đến 10 µm, rỗ dạng khe. Các khối inulin hình dáng không đều, đôi khi nhìn thấy các vân nhỏ xuyên tâm. Các giọt dầu có nhiều với tinh thể hình cầu khi để lắng. Các tế bào biểu bì của vỏ ngoài màu hơi vàng, hình nhiều cạnh, thành mỏng và gập lại với tế bào mạng lưới ở bên dưới. Các mạch xoắn, đường kính 14 µm đến 17 µm. Các mảnh nội nhũ không màu, có các tế bào thành dày hơn với nhiều lỗ gần tròn, lớn.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 12.13).

Bảo quản

Trong bao bì kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Khu trùng, tiêu tích, kiện tỳ. Chủ trị: Trễ đau bụng giun, tiêu hoá kém, yếu, nước da xanh xao vàng vọt, kém ăn, bụng trương đầy, tiêu chảy, nóng sốt, hôi miệng.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 1 hoàn, ngày 2 lần. Trẻ em dưới 3 tuổi giảm liều cho thích hợp.

HOÀN QUY TỶ

Công thức

Đàng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>)	80 g
Bạch truật (<i>Radix Atractylodis macrocephalae</i>)	160 g
Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) chế	160 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>) chích mật	40 g
Phục linh (<i>Poria</i>)	160 g
Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) chế	16 g
Toan táo nhân (<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>)	160 g
Long nhân (<i>Arillus Longan</i>)	160 g
Dương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>)	16 g
Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>)	80 g
Đại táo (<i>Frutus Ziziphi jujubae</i>) bỏ hạt	40 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Các vị thuốc chế theo chuyên luận riêng và sấy khô. Tán 11 vị thuốc thành bột mịn, trộn đều thành bột kép và rây qua rây số 180. Nếu làm hoàn cứng thì lấy 100 g bột kép trên, thêm 25 g đến 40 g mật ong luyện hòa loãng trong lượng nước sôi thích hợp, gầy nhân và làm thành viên. Nếu làm hoàn mềm, cứ 100 g bột kép trên, thêm 80 g đến 90 g mật ong luyện sôi, trộn đều cho mềm nhuyễn, chia thành các viên 9 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn cứng: Hình cầu, mùi thơm nhẹ, vị ngọt sau hơi đắng và cay.

Hoàn mềm: Màu nâu, nhuận, mịn, mùi thơm nhẹ, vị ngọt sau hơi đắng và cay. Khối lượng mỗi hoàn 9 g.

Định tính

A. Định tính Hoàng kỳ, Bạch linh: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi có độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Hoàng kỳ, Bạch linh (mẫu chuẩn) thấy: Sợi thành bó hay rải rác, thành dây với những kẽ nứt dọc trên bề mặt, hai đầu sợi thường bị gãy thành dạng tua như chổi hoặc gãy cụt của Hoàng kỳ. Các khối phân nhánh không đều, không màu; các sợi nấm không màu, hoặc nâu nhạt, hơi cong và phân nhánh, đường kính 3 µm đến 8 µm của Bạch linh

B. Định tính Toan táo nhân

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: Ether dầu hòa (60 °C đến 80 °C) - ether ethylic - acid acetic (7,5 : 7,5 : 0,15)

Dung dịch thử: Lấy khoảng 30 g chế phẩm, tán hoặc cắt nhỏ (nếu là hoàn mềm), thêm 50 ml ethanol (TT), lắc siêu âm 30 min, lọc lấy dịch chiết. Bã được chiết như trên một lần nữa. Gộp các dịch chiết ethanol, cô trên cách thủy tới gần khô. Khuấy kỹ cần với ether dầu hòa (60 °C đến 80 °C) (TT) 2 lần, mỗi lần 10 ml. Gộp dịch ether dầu hòa, bốc hơi trên cách thủy tới cạn. Hòa cần trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2,5 g bột thô Toan táo nhân (mẫu chuẩn) đã giã nhỏ, thêm 20 ml ethanol (TT), tiếp tục chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi đặt vào bình đã bão hòa hơi iod (TT) cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Dương quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *n-Hexan - ethyl acetat* (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 g chế phẩm, tán thành bột thô hoặc cắt nhỏ, thêm 30 ml ethanol (TT), lắc kỹ, ngâm 30 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa cần trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy khoảng 1 g bột Dương quy (mẫu chuẩn), thêm 15 ml ethanol (TT) rồi tiến hành chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 15 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho các vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

D. Định tính Đàng sâm

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *Chloroform - ethyl acetat* (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 30 g chế phẩm, tán thành bột thô (hoặc cắt nhỏ nếu hoàn mềm), thêm 50 ml methanol (TT), lắc siêu âm 30 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa cần trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy khoảng 1,5 g bột Đàng sâm (mẫu chuẩn), thêm 15 ml methanol (TT) rồi tiến hành chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho các vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Hoàn mềm: Không được quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Hoàn cứng: Không được quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 100 °C, 4 h).

Bảo quản

Trong bao bì kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Ích khí bổ huyết, kiện tỳ dưỡng tâm. Chủ trị: Tâm tỳ hư, khí huyết hư, biểu hiện: lo sợ, hay quên, đánh trống ngực,

hồi hộp, mất ngủ, ngủ mê, hơi thờ ngẩn, mệt mỏi, kém ăn. Tỷ không nhiếp huyết: Rong kinh, băng huyết, đại tiểu tiện ra huyết, đới hạ.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 6 g hoàn cứng hoặc 1 hoàn mềm, ngày 3 lần. Uống với nước ấm hoặc nước gừng tươi.

HOÀN SÂM NHUNG BÓ THẬN

Công thức

Ba kích (<i>Radix Morindae officinalis</i>)	30 g
Hà thù ô đò (<i>Radix Fallopiiae multiflorae</i>)	29 g
Bách hợp (<i>Bulbus Lilii</i>)	30 g
Nhân sâm (<i>Radix Ginseng</i>)	3,6 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	29 g
Nhục thung dung (<i>Herba Cistanches</i>)	12 g
Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>)	18 g
Nhung hươu (<i>Cornu Cervi pantotrichum</i>)	1,2 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	2,5 g
Hạt sen (<i>Semen Nelumbinis nucifecae</i>)	44 g
Cao ban long (<i>Colla Cornus Cervi</i>)	3,6 g
Thỏ ty tử (<i>Semen Cuscutae</i>)	20 g
Câu kỷ tử (<i>Fructus Lycii</i>)	20 g
Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>)	120 g
Câu tích (<i>Rhizoma Cibotii</i>)	15 g
Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>)	15 g
Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>)	38 g
Tục đoạn (<i>Radix Dipsaci</i>)	29 g
Dàng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>)	12 g
Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>)	15 g
Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>)	12 g
Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>)	8 g
Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>)	20 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Bào chế cổ truyền: Ba kích (Điêm Ba kích nhục), Hà thù ô (Chế Hà thù ô), Phục linh, Bạch truật (Sao bạch truật), Cam thảo (Chích Cam thảo), Câu tích, Trạch tả (Điêm Trạch tả), Cù mài, Tục đoạn, Đỗ trọng (Điêm Đỗ trọng), Viễn chí (Viễn chí chế), Đương quy (Từ Đương quy) chế theo các chuyên luận riêng. Bách hợp rửa sạch, sấy khô ở nhiệt độ dưới 60 °C. Nhân sâm thái mỏng, sấy khô ở nhiệt độ dưới 60 °C. Nhục thung dung rửa sạch bằng nước phèn, ngâm nước 3 h cho sạch muối, hấp chín, thái mỏng, sấy khô ở nhiệt độ dưới 60 °C. Nhung hươu hơ cháy lông trên ngọn lửa, cạo sạch thái lát nhỏ, nghiền nhỏ. Hạt sen loại bỏ vỏ sấy khô. Thỏ ty tử rửa sạch thêm rượu trắng bằng 1/2 lượng dược liệu cho thấm đều, nấu nhỏ lửa cho cạn hết rượu, hạt phồng lên, bề mặt có màu vàng nâu, có mùi thơm. Dàng sâm loại bỏ tạp chất, rửa sạch, hấp chín, thái đoạn, sấy khô ở nhiệt độ dưới 60 °C. Xuyên khung rửa sạch hoặc đồ mềm, thái lát, phơi se, tẩm rượu (lượng rượu bằng 1/10 lượng dược liệu), sấy khô ở nhiệt độ dưới 60 °C.

Mật ong cô luyện thành châu.

Bào chế hoàn mật: Tất cả các vị thuốc sau khi chế khô, tán thành bột mịn, rây qua rây số 180. Trộn đều thành bột kép. Trộn đều bột kép với mật ong, cao ban long, theo tỷ lệ 100 : 120. Chia thành các viên hoàn mềm.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu, màu đen nhánh, đồng nhất, mềm nhuyễn, mịn, mùi thơm đặc trưng, vị ngọt hơi đắng. Khối lượng 9 g.

Định tính

A. Định tính Hạt sen, Bạch linh và Cù mài: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi với độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Hạt sen, Bạch linh và Cù mài (mẫu chuẩn), phải thấy: Các hạt tinh bột hình chuông, hình trứng, dài 10 µm đến 60 µm, rộng khoảng 20 µm, có vân đồng tâm, rón lệch tâm, hình chằm hay hình vạch của Cù mài. Hạt tinh bột hình trứng, hình bầu dục rộng 2 µm đến 6 µm, dài 4 µm đến 14 µm hoặc hình tròn có đường kính 2 µm đến 19 µm, rón phân nhánh, vân không rõ của Hạt sen. Sợi nấm không màu hay nâu nhạt, hơi khúc khuỷu, phân nhánh của Bạch linh.

B. Định tính Thục địa

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Cloroform - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 20 g chế phẩm, cắt nhỏ, chiết bằng cách đun sôi trên cách thủy 15 min với methanol (TT) 2 lần, mỗi lần 30 ml. Gộp dịch chiết methanol, cô trên cách thủy đến cạn. Thêm vào cặn 10 ml n-butanol (TT), đặt lên bếp cách thủy nóng, dùng đũa thủy tinh khuấy kỹ trong 5 min, gạn lấy dịch chiết butanol. Chiết lại cặn như trên thêm 1 lần nữa. Gộp các dịch chiết butanol, cô trên cách thủy đến cạn. Hòa cặn trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2 g Thục địa (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, tiến hành chiết như dung dịch thử, bắt đầu từ "chiết bằng cách đun sôi trên cách thủy 15 min với methanol (TT)... Hòa cặn trong 1 ml ethanol (TT)".

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm đến 14 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT), sấy ở 120 °C đến khi hiện rõ vết.

Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu và giá trị R_f với các vết của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Đương quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: n-Hexan - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g chế phẩm, cắt nhỏ (hoặc nghiền mịn), thêm 30 ml ether ethylic (TT), lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn. Hòa cặn trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 0,5 g bột Đương quy (mẫu chuẩn), thêm 20 ml *ether ethylic* (TT), lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn. Hòa cần trong 1 ml *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại tại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu và giá trị R_f với các vết của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Công năng, chủ trị

Bổ thận, cố tinh. Chủ trị: Thận hư, phòng sự yếu, di mộng tinh, kinh nguyệt không đều, khí hư bạch đới, đau thắt lưng, mỏi gối, ù tai.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần uống 1 hoàn mềm, ngày dùng 2 lần.

Kiêng kỵ

Không nên dùng thuốc trong trường hợp ngoại cảm, kiết lỵ. Kiêng các chất cay, nóng, chất kích thích.

HOÀN THẬP TOÀN ĐẠI BỔ

Công thức

Đàng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>)	150 g
Bạch truật (<i>Radix Atractylodis macrocephalae</i>)	100 g
Phục linh (<i>Poria</i>)	80 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	80 g
Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>)	100 g
Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>)	80 g
Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>)	100 g
Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>)	150 g
Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>)	150 g
Quế nhục (<i>Cortex Cinnamomi</i>)	100 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Bạch truật sao vàng, Bạch thược chế rượu, Cam thảo chính mật, Hoàng kỳ tẩm mật theo qui định trong các chuyên luận riêng. Sau đó, Thục địa thái lát và sấy khô cùng các vị còn lại, nghiền thành bột mịn, trộn đều thành bột kép và rây qua rây số 180. Nếu làm hoàn cứng thì lấy 100 g bột kép thêm 30 g đến 50 g mật luyện và hòa loãng trong lượng nước sôi thích hợp và làm hoàn cứng. Nếu làm hoàn mềm, cứ 100 g bột kép dùng 100 g đến 120 g mật luyện sôi, trộn đều cho mềm nhuyễn, làm viên hoàn mềm 9 g. Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu, màu nâu đến nâu đen, mùi thơm, vị ngọt sau hơi đắng cay.

Định tính

A. Định tính Phục linh, Quế và Hoàng kỳ: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi có độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Phục linh, bột Quế và bột Hoàng kỳ (mẫu chuẩn) thấy các khối phân nhánh không đều, không màu; các sợi nấm không màu hoặc nâu nhạt, hơi cong và phân nhánh của Phục linh. Các tế bào mô cứng màu vàng nâu, đứng riêng lẻ hay tụ thành đám, hình trái xoan hay hình chữ nhật với thành rất dày khoang rộng có ống trao đổi rõ, một số tế bào có thành mỏng về một phía của Quế. Sợi thành bó hay rải rác, thành dày với những kẽ nứt dọc trên bề mặt, hai đầu sợi thường bị gãy thành dạng tua như chổi hoặc gãy cụt của Hoàng kỳ.

B. Định tính Bạch thược

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat - acid acetic - acid formic - nước* (10 : 1 : 1 : 1).

Dung dịch thử: Nghiền 12 g hoàn với 6 g Kieselguhr, thêm 80 ml *ethanol* (TT), lắc siêu âm 20 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn khô, hòa tan cần khô trong 20 ml nước, lọc qua bông. Lắc dịch lọc với *n-butanol bão hòa nước* (TT) 2 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết butanol, rửa bằng 20 ml nước, gạn bỏ nước rửa. Bốc hơi dịch chiết butanol trên cách thủy đến khô. Hòa tan cần trong 2 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Hòa tan paeoniflorin chuẩn trong *ethanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ 2 mg/ml. Nếu không có paeoniflorin, lấy 2 g bột thô Bạch thược (mẫu chuẩn), thêm 20 ml *ethanol* (TT), lắc siêu âm 20 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn khô, hòa tan cần khô trong 20 ml nước, lọc qua bông. Lắc dịch lọc với *n-butanol bão hòa nước* (TT) 2 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết butanol, rửa bằng 20 ml nước, gạn bỏ nước rửa. Bốc hơi dịch chiết butanol trên cách thủy đến khô. Hòa tan cần trong 2 ml *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 15 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT). Quan sát dưới ánh sáng thường. Sấy bản mỏng ở 110 °C cho đến khi các vết xuất hiện. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Đàng sâm

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *n-Hexan - ethyl acetat* (2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 8 g hoàn, nghiền nhỏ, nếu là hoàn mềm thì cắt nhỏ, thêm 30 ml *ethanol* 96 % (TT), đun sôi trên cách thủy 30 min, để nguội, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Khuấy kỹ cần với *n-butanol* (TT) 3 lần, mỗi lần 10 ml. Gộp dịch chiết butanol, cô trên cách thủy đến cạn. Hòa cần trong 5 ml *ethanol* (TT), thêm 30 ml dung dịch acid sulfuric 20 % (TT), đun sôi hồi lưu trong 2 h.

để nguội, lọc lấy tủa, rửa bằng nước cất cho hết phản ứng acid, sấy khô ở 70 °C. Thêm vào tủa 20 ml *chloroform* (TT), đun trên cách thủy nóng, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa cồn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 1 g Đàng sâm (mẫu chuẩn) đã tán nhỏ, thêm 20 ml *ethanol* 96 % (TT) và chiết như dung dịch thử, bắt đầu từ "đun sôi trên cách thủy 30 min..."

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT), sấy ở 110 °C cho đến khi các vết xuất hiện. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

D. Định tính Đương quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *n-Hexan - ethyl acetat* (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g chế phẩm, cắt nhỏ (hoặc nghiền mịn), thêm 30 ml *ether ethylic* (TT), lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến khô cạn. Hòa cồn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 0,5 g bột Đương quy (mẫu chuẩn), thêm 20 ml *ether ethylic* (TT), lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến khô cạn. Hòa cồn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, quan sát dưới ánh sáng tử ngoại tại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu và giá trị R_f với các vết của dung dịch đối chiếu.

E. Định tính Thục địa

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *Chloroform - ethyl acetat* (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 20 g chế phẩm, cắt nhỏ cho vào cốc có mỏ. Thêm 20 ml *n-butanol* (TT), lắc kỹ (chiết 2 lần), lấy dịch chiết *n-butanol*, cô tới cạn. Hòa tan cồn trong 1 ml *ethanol* 96 % (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 20 g Thục địa (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ hoặc nghiền mịn, tiến hành chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch acid sulfuric 10 % trong *ethanol* (TT), sấy ở 105 °C đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu và giá trị R_f với các vết của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Hoàn mềm: Không được quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Hoàn cứng: Không được quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 85 °C, 5 h).

Độ rã (Phụ lục 11.6)

Không quá 1 h (Chỉ áp dụng cho hoàn cứng).

Bảo quản

Trong bao bì kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Ôn bổ khí huyết. Chủ trị: Khí huyết bất túc, hư lao, ho khan, ăn kém, di tinh, thất lưng đau gối yếu, vết thương lâu lành; phụ nữ băng kinh.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần uống 6 g hoàn cứng hoặc 1 hoàn mềm, ngày dùng 2 đến 3 lần.

HOÀN THIÊN VƯƠNG BỔ TÂM

Công thức

Đàn sâm (<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>)	25 g
Huyền sâm (<i>Radix Scrophulariae</i>)	25 g
Đương qui (<i>Radix Angelicae sinensis</i>)	100 g
Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) chế	25 g
Toan táo nhân (<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>) sao	100 g
Đàng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>)	25 g
Bá tử nhân (<i>Semen Platycladi orientalis</i>)	100 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	25 g
Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>)	25 g
Ngũ vị tử (<i>Fructus Schisandrae</i>)	50 g
Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>)	100 g
Chu sa (<i>Cinnabaris</i>)	10 g
Thiên môn đông (<i>Radix Asparagi cochinchinensis</i>)	100 g
Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>)	200 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Viễn chí (chế), Toan táo nhân (sao) theo qui định trong chuyên luận riêng. Thủy phi Chu sa đạt yêu cầu thành bột rất mịn. Sấy khô và tán các vị thuốc còn lại thành bột mịn qua rây số 180. Trộn thật đều các vị với Chu sa theo nguyên tắc đồng lượng, rây. Nếu làm hoàn cứng thì lấy 100 g bột thuốc, thêm 20 g đến 30 g mật ong đã tinh chế với một lượng nước thích hợp. Nếu làm hoàn mềm thì lấy 100 g bột thuốc, thêm 50 g đến 70 g mật ong đã luyện thành châu.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn cứng màu đen hơi nâu.

Hoàn mềm màu đen nâu, mùi thơm nhẹ, vị ngọt, hơi đắng.

Định tính

A. Định tính Bạch linh, Ngũ vị tử, Mạch môn

Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi có độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột của mẫu chuẩn Bạch linh, Ngũ vị tử, Mạch môn thấy: Những khối không màu, phân nhánh không đều, sợi nấm không màu hoặc nâu nhạt, đường kính

3 µm đến 8 µm của Bạch linh. Tế bào đá hình thoi hoặc hình nhiều góc với một đầu hơi nhọn và màng dày hơn, có những hố xếp rải rác. Tế bào đá màu nâu vàng nhạt hoặc không màu, hình chữ nhật nhỏ, tròn nhỏ, hay không đều, đường kính khoảng 94 µm. Tế bào đá hình chữ nhật hoặc hình dài dài, đường kính 50 µm đến 110 µm với nhiều hố nhỏ. Tế bào đá của vỏ biểu bì màu nâu vàng nhạt, nhìn theo bề mặt có hình đa diện nhỏ, màng dày có kênh lỗ dày đặc, khoang chứa chất màu nâu thâm của Ngũ vị tử. Tinh thể calci oxalat hình kim tự thành bó hoặc rải rác, dài 24 µm đến 50 µm, đường kính khoảng 3 µm của Mạch môn.

B. Định tính Chu sa: Rữa 1 g hoặc 1/2 viên hoàn bằng nước, sẽ thu được một lượng nhỏ tủa màu đỏ son. Lấy tủa ra, tắm ướt bằng acid hydrochloric (TT) và cọ lên bề mặt nhẵn của một miếng đồng, thấy xuất hiện màu lấp lánh trắng bạc. Màu này sẽ mất đi khi hơi nóng hoặc nung.

C. Định tính Đương Quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: n-hexan - ethyl acetat (9 : 1)

Dung dịch thử: Lấy 10 g chế phẩm, tán thành bột thô hoặc cắt nhỏ, thêm 30 ml ether ethylic (TT), lắc trên máy lắc 30 min, lọc lấy dịch chiết. Chiết như trên thêm một lần nữa. Gộp các dịch chiết ether, để bay hơi tự nhiên đến khô. Hòa lẫn trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy khoảng 0,5 g bột Đương quy (mẫu chuẩn), thêm 15 ml ether ethylic (TT) rồi tiến hành chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 15 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Hoàn mềm: Không được quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Hoàn cứng: Không được quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 85 °C, 5 h).

Độc tính bất thường

Thử theo Phụ lục 13.5. Lấy 3,2 g bột viên, thêm 10 ml nước cất, nghiền nhuyễn và lắc đều. Cho chuột uống với liều 1 ml/chuột.

Bảo quản

Để nơi khô mát, trong bao bì kín.

Công năng, chủ trị

Tư âm dưỡng huyết, bổ tâm an thần. Chủ trị: Âm huyết bất túc, hồi hộp, hay quên, tâm phiền mất ngủ, ngủ hay mê, táo bón.

Cách dùng, liều lượng

Uống một ngày hai lần, mỗi lần 6 g đến 9 g hoàn.

HOÀN TIÊU ĐẠO

Công thức

Sài hồ (<i>Radix Bupleuri</i>)	100 g
Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>)	100 g
Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>)	100 g
Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) sao	100 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	100 g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>) chích mật	80 g
Bạc hà (<i>Herba Menthae</i>)	20 g
Gừng tươi (<i>Rhizoma Zingiberis</i>) nướng	100 g

Bào chế

Cam thảo và Bạch truật chế theo chuyên luận riêng. Các vị thuốc còn lại làm sạch và sấy khô. Nghiền tất cả các vị thuốc thành bột mịn, trộn đều thành bột kép và rây qua rây số 180. Lấy 100 g Gừng tươi, rửa sạch, thái lát, sắc với nước vài lần, lọc. Gây nhân làm hoàn cứng với tá dược dính là nước sắc gừng và sấy khô.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc hoàn" (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn cứng có màu nâu tới màu nâu hơi vàng, vị ngọt hơi cay.

Định tính

A. Định tính Bạch linh, Cam thảo: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi với độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Bạch linh và Cam thảo (mẫu chuẩn), chế phẩm phải có các khối phân nhánh không đều, không màu, sợi nấm không màu hay nâu nhạt, hơi cong và phân nhánh của Bạch linh: các bó sợi mang tinh thể calci oxalat hình lăng trụ của Cam thảo.

B. Định tính Đương quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: n-Hexan - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g chế phẩm đã tán thành bột mịn, thêm 30 ml ether ethylic (TT), lắc trên máy lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn khô. Hòa lẫn trong 1 ml ethanol (TT)

Dung dịch đối chiếu: Lấy 0,5 g bột Đương quy (mẫu chuẩn), thêm 20 ml ether ethylic (TT), lắc trên máy lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn khô. Hòa lẫn trong 1 ml ethanol (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại, bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho các vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Bạch thược

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Ethyl acetat - acid acetic - acid formic - nước (10 : 1 : 1 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 g hoàn đã nghiền mịn, thêm 80 ml *ethanol* (TT), lắc siêu âm 20 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến gần khô, hòa tan cần trong 20 ml *nước*, chiết bằng *n-butanol bão hòa nước* (TT) 3 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết butanol, rửa bằng *nước* 3 lần, mỗi lần 15 ml, gạn bỏ *nước* rửa. Bốc hơi dịch chiết còn lại trên cách thủy đến gần khô. Hòa tan cần trong *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2 g bột thô Bạch thược (mẫu chuẩn), thêm 20 ml *ethanol* (TT), lắc siêu âm 20 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến gần khô, hòa tan cần trong 20 ml *nước*, chiết bằng *n-butanol bão hòa nước* (TT) 3 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết butanol, rửa bằng *nước* 3 lần, mỗi lần 15 ml, gạn bỏ *nước* rửa. Bốc hơi dịch chiết còn lại trên cách thủy đến gần khô. Hòa tan cần trong *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 μ l mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun *dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric* (TT). Sấy bản mỏng ở 110 °C cho đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho vết có cùng màu và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không được quá 9,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 100 °C, 4 h).

Bảo quản

Trong bao bì kín, để nơi khô mát, tránh ẩm.

Công năng, chủ trị

Sơ can, kiện tỳ. Chủ trị: Can khí uất tỳ hư gây nên ngực, sườn đau trướng, hoa mắt, chóng mặt, miệng, khô, họng táo, kém ăn, rối loạn kinh nguyệt.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 6 g đến 9 g hoàn, ngày 1 đến 2 lần.